CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT – TDA
TIEN DAT ALUMINIUM COMPANY LIMITED - TDA

T&D ALUMINIUM

CATALOGUE

Ver **2024**

Sản phẩm nhôm định hình

Profiled aluminium products

NỘI DUNG

CONTENT

I - Giới Thiệu Chung I General Introduction

1. Về chúng tôi / About us 04
2. Chứng chỉ / Certification 06
3. Quy trình sản xuất / Manufacturing process 08
4. Công nghệ sơn / Paint technology 10
5. Tại sao nên chọn chúng tôi? / Why choose us? 12

II - Sản Phẩm I Products

1. Cửa đi TDA 700 / Door TDA 700 16
2. Cửa đi TDA 1000 / Door TDA 1000 20
3. Cửa đi lùa 1 cánh / Sliding door 1 wing 24
4. Cửa đi lùa 2 cánh / Sliding door 2 wing 28
5. Cửa sổ lùa 500 / Sliding window 500 32
6. Vách ngăn văn phòng / Office partitions 38
7. Cửa lưới chống muỗi / Mosquito net door 42
8. Cửa cuốn / Rolling door 46
9. Lá sách ovan / Ovan louver 48
10. Nội thất nhôm / Aluminium furniture 50
11. Mái hiên di động / Mobile awning 54
12. Thanh treo màng / Curtain rod 56
13. Thang xếp / Ladder 58
14. Niềng xe / Rim 60
15. Tản nhiệt nhôm / Aluminium heatsink 62
16. Băng tải nhôm / Aluminium conveyor 64
17. Phụ kiện truyền tải điện / Power transmission accessories 66
18. Khung năng lượng mặt trời / Solar frame 68
19. Ván coppha nhôm / Aluminium formwork 72
20. Gia công cơ khí / Mechanical fabrication 74

III - Đối tác & Khách hàng I Partners & Customers 76

IV - Dự án I Projects 78

1. VỀ CHÚNG TÔI
ABOUT US

Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt (viết tắt là TDA) được thành lập vào năm 1993 và hiện tại là một nhà sản xuất hàng đầu cung cấp các sản phẩm nhôm thanh định hình chất lượng cao mang thương hiệu Việt. Với quy mô lên đến 120.000m², nhà máy có công suất hoạt động lớn và Nhôm Tiến Đạt đã nghiên cứu và phát triển các công nghệ hiện đại để cung cấp những giải pháp tối ưu cho ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng và cuộc sống.

Hiện nay, thương hiệu Tiến Đạt đã phát triển và có mặt trên khắp 46 tỉnh thành trong nước. Đồng thời, Tiến Đạt còn sở hữu hai thương hiệu nổi tiếng khác là XINGFATDA (viết tắt là XTDA) và GERNIUM. Nhôm Tiến Đạt luôn tự hào là một trong những đơn vị đi đầu của lĩnh vực nhôm thanh định hình. Thương hiệu này đã mang đến những giá trị thiết thực cho cuộc sống và nâng tầm thương hiệu Việt.

Tien Dat Aluminium Company Limited (abbreviated as TDA), established in 1993, is currently a manufacturer and supplier of high-quality aluminium profiled products with Vietnamese brands. The factory has a scale of up to 120,000m² and has a large operating capacity. In addition, Tien Dat Aluminium has researched and developed modern technologies that bring optimal solutions for industrial production, construction, and life.

Up to now, Tien Dat has covered TDA brand in all 46 provinces and cities in the country and further developed with two famous brands, XINGFATDA (abbreviated as XTDA) and GERNIUM. Tien Dat Aluminium is proud to be one of the leading units in aluminium profiles, bringing practical values to life and raising the Vietnamese brand.

SỨ MỆNH I MISSION

- Không ngừng nghiên cứu, cải tiến nâng cao năng lực sản xuất để trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực.
- Khẳng định chất lượng nhôm Việt cao cấp. Đem thương hiệu Việt vươn tầm Châu Á.
- We are constantly researching, improving, and improving production capacity to become one of the leading enterprises in thefield.
- Affirm high-quality Vietnamese aluminium to bring Vietnamese brands to Asia.

TẦM NHÌN I VISION

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm nhôm chất lượng cao cấp, uy tín hàng đầu trên thị trường Việt Nam.
- Khẳng định vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường nhôm thế giới.
- We are building a brand of high-quality aluminium products, leading prestige in Vietnam market.
- Affirming the position of Vietnamese enterprises in the world aluminium market.

TÂM NIỆM I MIND

CHỮ TÍN QUÝ HƠN VÀNG

PRESTIGE IS MORE PRECIOUS THAN GOLD

Luôn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động và con người của công ty.

Is always the guideline in all activities and people of the company.

2. CHỨNG CHỈ
CERTIFICATION

CHỨNG NHẬN QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA QCVN 16:2019/BXD

CERTIFICATE OF NATIONAL TECHNICAL REGULATIONS QCVN 16:2019/BXD

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2015

CERTIFICATION OF ISO 9001:2015 QUALITY MANAGEMENT SYSTEM

CHỨNG NHẬN AKZONOBEL

AKZONOBEL CERTIFICATION

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULTS

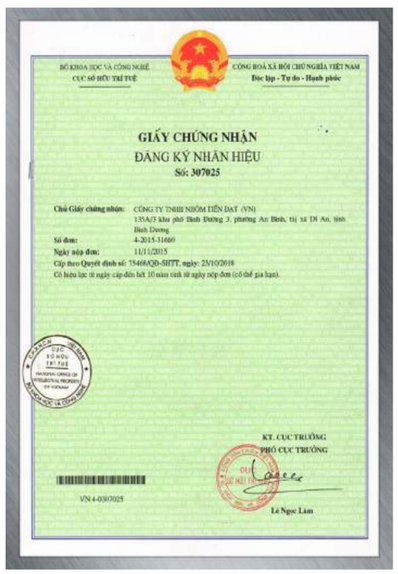

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

CERTIFICATE OF TRADE REGISTRATION

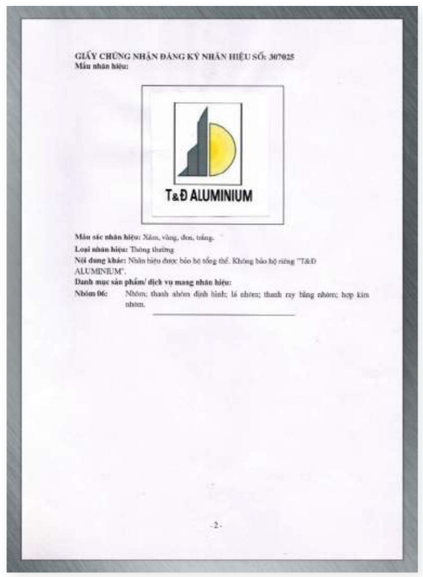

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

CERTIFICATE OF TRADE REGISTRATION

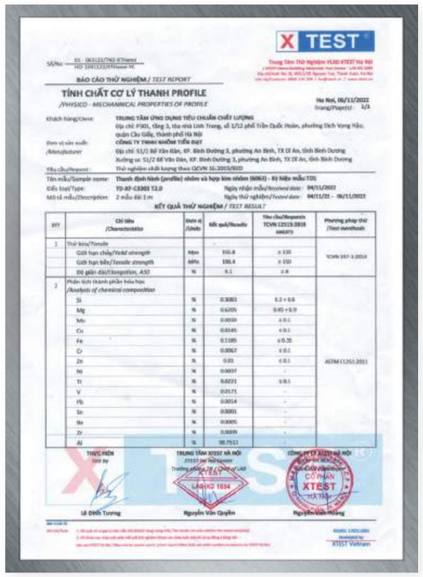

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULTS

CHỨNG NHẬN JOTUN

JOTUN CERTIFICATION

3. QUY TRÌNH SẢN XUẤT
MANUFACTURING PROCESS

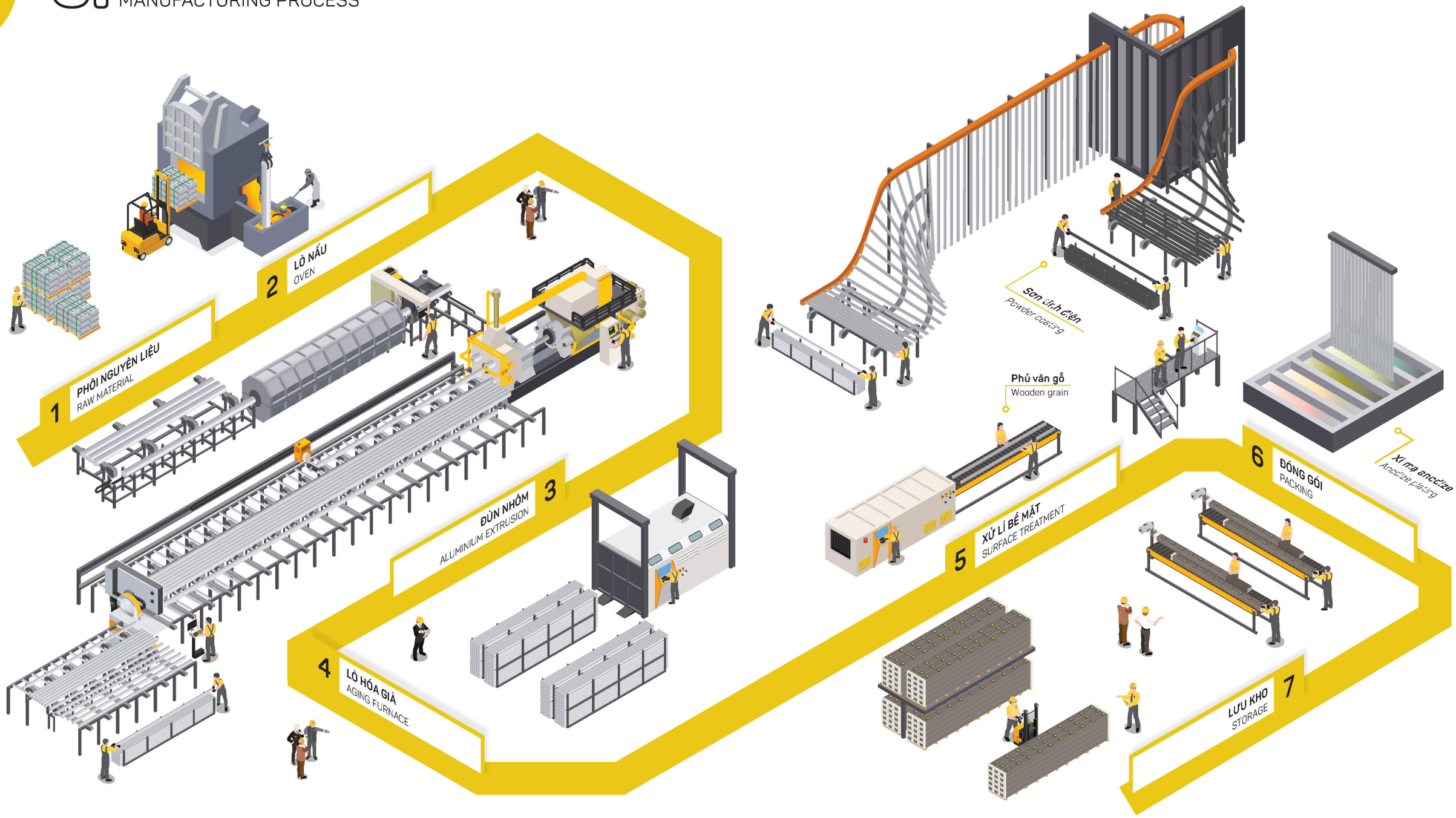

4 CÔNG NGHỆ SƠN
PAINT TECHNOLOGY

Để gia tăng độ bền và nâng cao tính thẩm mỹ của sản phẩm, Nhà máy Tiến Đạt đã ứng dụng 3 công nghệ sơn:

To increase the durability and improve the aesthetics of the product, Tien Dat Factory has applied three coating technologies:

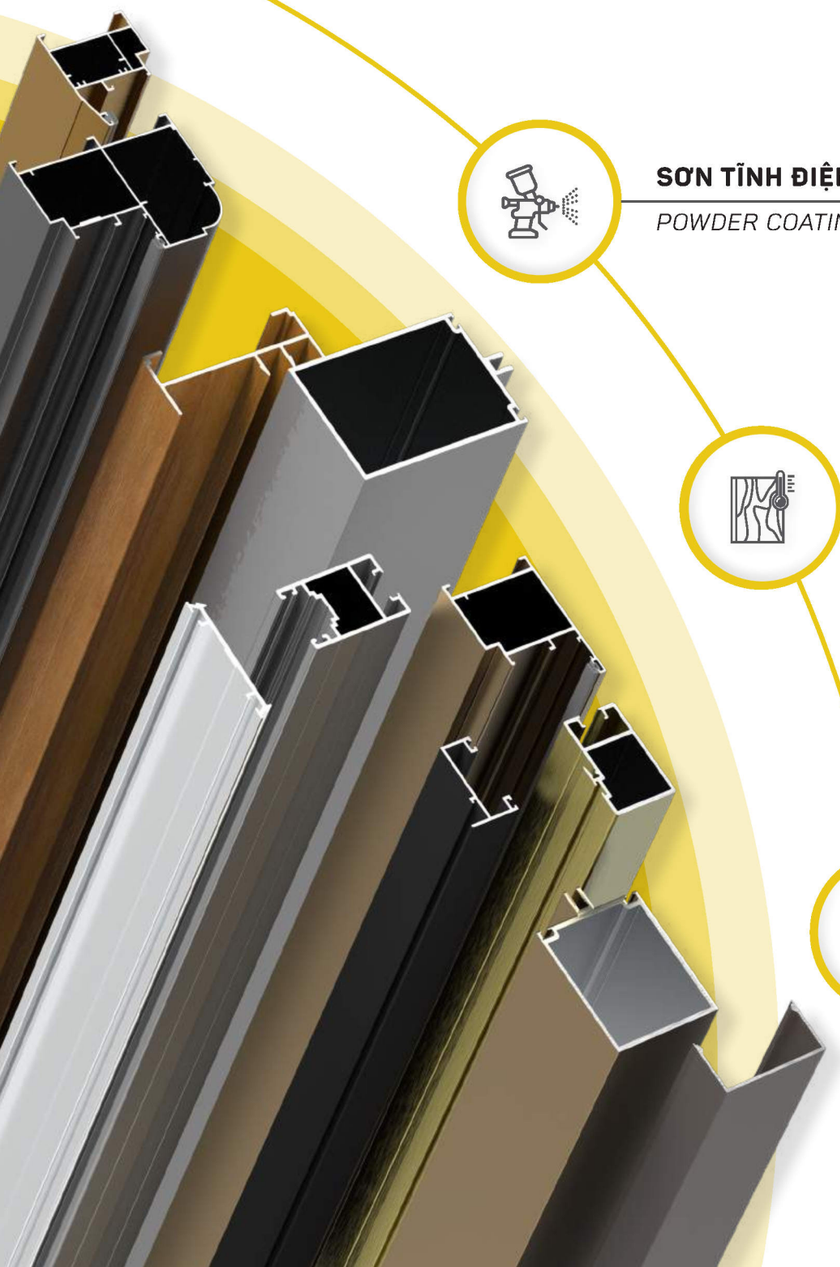

SƠN TĨNH ĐIỆN
POWDER COATING

Sơn tĩnh điện là công nghệ tạo màu cho thanh nhôm bằng hạt bột khô bám trên bề mặt nhôm và được tác động bằng lực tĩnh điện. Sau đó vật liệu được gia nhiệt và đóng rắn trong lò sấy để tạo thành một lớp màng sơn đồng nhất, đều màu, bền và đẹp.

Powder coating is a technology to color aluminium bars with dry powder particles that stick to the aluminium surface and are impacted by electrostatic force. The material is then heated and cured in an oven to form a uniform, uniform, durable and beautiful paintfilm.

PHỦ VÂN GỖ
WOODGRAIN COATING

Phủ vân gỗ là phương pháp phủ lên bề mặt nhôm vân gỗ hay bề mặt gỗ giả (nhân tạo) được tạo ra nhờ hoạt chất kết dính.

Ưu điểm của công nghệ này là không tốn nhiều công sức và công nghệ, ít xảy ra lỗi, tạo nên sự đồng đều giữa các vân gỗ trên bề mặt.

Woodgrain coating is a coating method on the surface of wood grain aluminium or artificial wood surface made by an adhesive.

The advantage of this technology is not to take much effort and technology, minimizes errors, and creates uniformity in woodgrain surfaces.

ANODIZED NHÔM
ANODIZED ALUMINIUM

Phương pháp Anod nhôm: là quá trình hóa cứng cho nhôm bằng phương pháp điện hóa, tạo ra một lớp oxit cực bền một cách chủ động trên nhôm và hợp kim của nó.

Aluminium Anodization: is the electrochemical hardening of aluminium, which actively creates a highly stable oxide layeron aluminium and its alloys.

5. TẠI SAO NÊN CHỌN CHÚNG TÔI?
WHY CHOOSE US?

Hơn 500 CBCNV, với tinh thần trách nhiệm cao và tận tâm chuyên nghiệp trong tất cả các lĩnh vực.

TDA has more than 500 employees with a high sense of responsibility and professional dedication in all fields.

TDA có hơn 3000 sản phẩm khác nhau. Màu sắc, kích cỡ và độ dày đa dạng.

TDA has more than 3000 different products. Various colors, sizes and thicknesses.

Với 30 năm trong lĩnh vực, Nhôm Tiến Đạt đã xây dựng cho mình một thương hiệu uy tín, với chuỗi cung ứng lớn trong nước và mở rộng hợp tác với một số nước phương tây như: Mĩ, Canada, Úc...

With 30 years in the field, Tien Dat Aluminium has built a prestigious brand with a large domestic supply chain and expanded cooperation with many western countries such as the US, Canada, Australia...

Nhôm Tiến Đạt là đơn vị sở hữu dàn sơn đứng lớn nhất đầu tiên tại Việt Nam. Với sản lượng sơn tĩnh điện kết hợp với phủ vân gỗ lên đến 3000 tấn/tháng.

Tien Dat Aluminium is Vietnam's first and largest vertical paint system owner. With a production capacity of up to 3000 tons per month, combining electrostatic paint and woodgrain coating.

Quy trình sản xuất đạt chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và QCVN2016:2019/BXD.

The manufacturing process is certified to ISO 9001:2015 and QCVN2016:2019/BXD.

Công nghệ xi Anod hiện đại tạo ra sản phẩm có độ cứng cao, chống xước và chống ăn mòn rất hiệu quả.

Modern anodizing technology creates products with high hardness, anti - scratch and very effective corrosion.

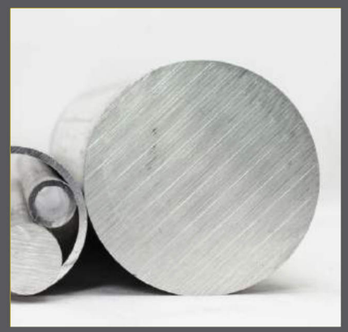
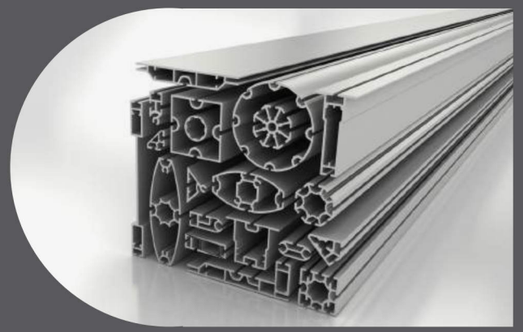

2

SẢN PHẨM
PRODUCTS

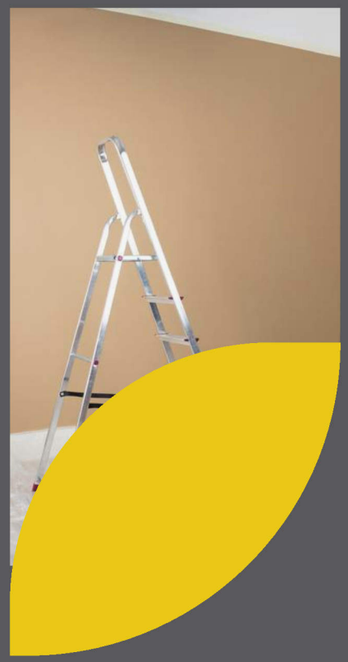

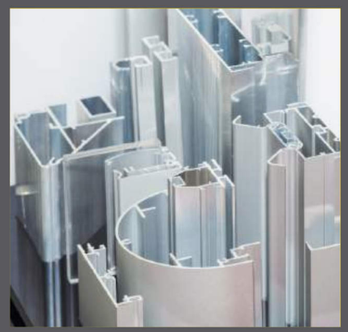
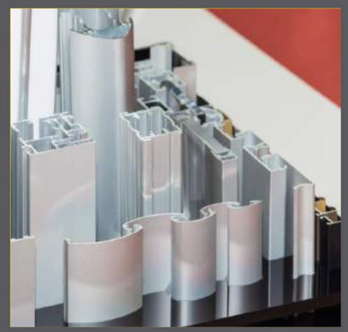

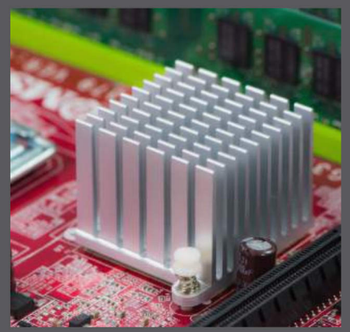

01. CỬA ĐI
DOOR

TDA 700
DÒNG/CLASS: **A - AS - M**

Cửa đi hệ 700 được ứng dụng trong thiết kế cửa đi của các công trình dân dụng. Được lắp ghép từ hệ 700. Thiết kế đảm bảo khả năng chịu lực cao.

Các hệ nhôm được sản xuất tại nhà máy Tiến Đạt. Quy trình sản xuất được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và QCVN 16:2019/BXD.

Door system 700 is applied in the design of doors of civil works and assembled from system 700. The design ensures high bearing capacity.

Aluminium systems are manufactured at Tien Dat factory. According to ISO 9001: 2015 and QCVN 16: 2019/BXD standards, the production process is carried out strictly.

THÔNG SỐ CƠ BẢN I SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	0.5 ~ 2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC I COLOR

Sơn tĩnh điện I Powder coating

Trắng sứ Ceramic white · Trắng Ynghua Ynghua white · Xám sần Matte gray · Xám ánh kim Metallic Gray · Xám xingfa Gray xingfa

Trắng xingfa White xingfa · Cafe xingfa Coffe xingfa · Đen xingfa Black xingfa · Xám đá xingfa Stone gray xingfa · Hàng thô Raw

Phủ vân gỗ I Woodgrain coating

Vân gỗ lợt Light wood · Vân gỗ đậm Dark wood · Vân gỗ sần Grainy wood

Xi anod I Anodize

Trắng bóng White · Trắng mờ Matte white · Nâu mờ Matte brown · Nâu bóng Glossy brown · Vàng bóng Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** Light-weight
- **Không bị võng** No hammock
- **Đa dạng về màu sắc** A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** Reasonable price

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Cửa Đi 2 Cánh Mở Quay
   Side Hung Door Rotating 2 Wings

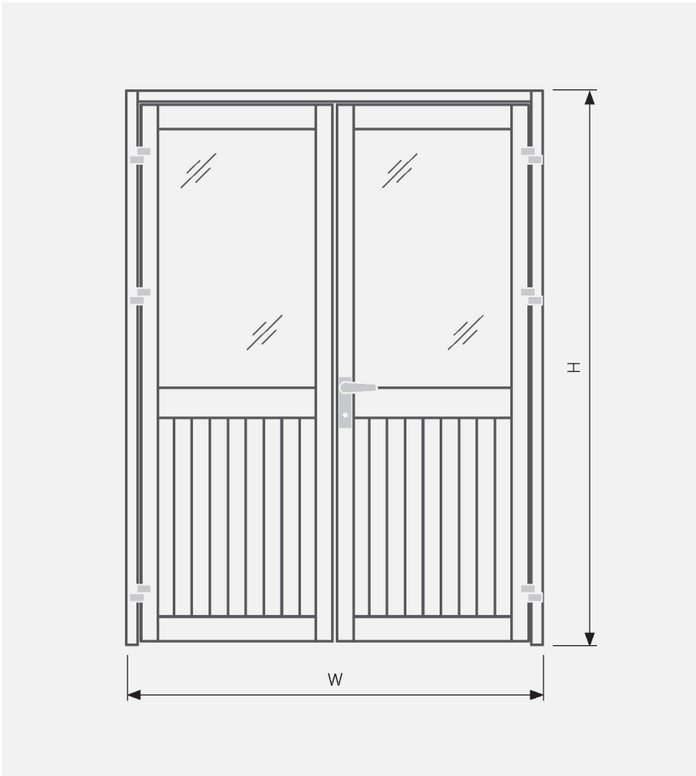

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

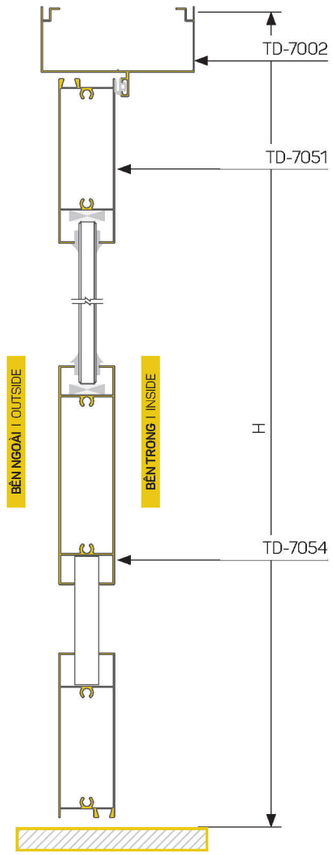

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

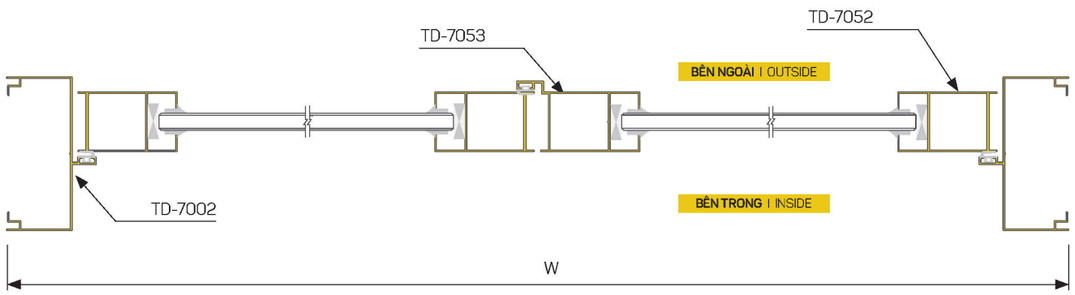

MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI NHÔM HỆ TDA-700
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM DOORS TDA-700 SYSTEM

Đứng khung bao Vertical frame	Ghép giữa 4 vít Connected with 4 screws	Ghép giữa Middle joint
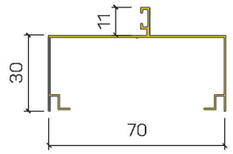	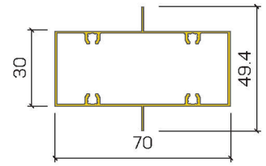	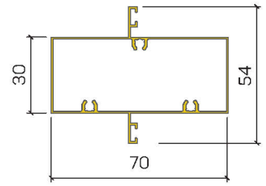
TD-A7002 I T:0.90 - W:0.507 kg/m	**TD-A7005** I T:0.85 - W:0.757 kg/m	**TD-A7006** I T:0.85 - W:0695 kg/m
TD-AS7002 I T:0.72 - W:0.422 kg/m	**TD-AS7005** I T:0.70 - W:0.623 kg/m	**TD-AS7006** I T:0.74 - W:0.605 kg/m
TD-M7002 I T:0.62 - W:0.375 kg/m	**TD-M7005** I T:0.60 - W:0.535 kg/m	**TD-M7006** I T:0.60 - W:0.491 kg/m
Đố trên dưới Top and bottom bar	**Đứng cánh trơn** Smooth vertical wing	**Đứng cánh móc** Hooked vertical wing
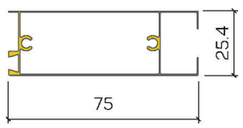	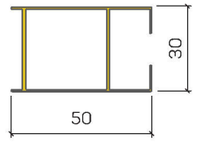	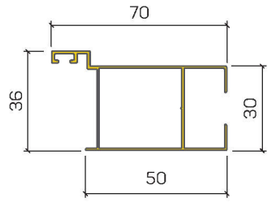
TD-A7051 I T:0.80 - W:0.620 kg/m	**TD-A7052** I T:0.85 - W:0.559 kg/m	**TD-A7053** I T:0.80 - W:0.611 kg/m
TD-AS7051 I T:0.75 - W:0.576 kg/m	**TD-AS7052** I T:0.65 - W:0.427 kg/m	**TD-AS7053** I T:0.72 - W:0.478 kg/m
TD-M7051 I T:0.53 - W:0.446 kg/m	**TD-M7052** I T:0.60 - W:0.335 kg/m	**TD-M7053** I T:0.56 - W:0.384 kg/m
Đố ngang giữa Middle horizontal bar		
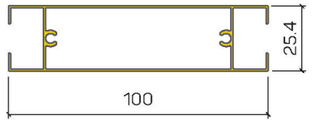		
TD-A7054 I T:0.90 - W:0.824 kg/m		
TD-AS7054 I T:0.70 - W:0.673 kg/m		
TD-M7054 I T:0.61 - W:0.569 kg/m		

02 CỬA ĐI
DOOR

TDA 1000
DÒNG/CLASS: **A - AS - M**

Cửa đi TDA 1000 là dòng sản phẩm được ứng dụng phổ biến trong thiết kế cửa đi. Sản phẩm đáp ứng đủ các yêu cầu về chất lượng và có giá thành hợp lý.

Với quy cách kích thước khung bao và kích thước đố cửa rất chắc chắn. Ngoài ra, hệ 1000 còn được sử dụng làm vách ngăn.

TDA 1000 doors are a famous product line indoor design. The products meet the requirements of quality and reasonable price.

With the size of the frame and the size of the door, it is excellent. In addition, system 1000 is also used as a partition.

THÔNG SỐ CƠ BẢN I SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	0.5~2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC I COLOR

Sơn tĩnh điện I Powder coating

Trắng sứ Ceramic white · Trắng Ynghua Ynghua white · Xám sần Matte gray · Xám ánh kim Metallic Gray · Xám xingfa Gray xingfa

Trắng xingfa White xingfa · Cafe xingfa Coffe xingfa · Đen xingfa Black xingfa · Xám đá xingfa Stone gray xingfa · Hàng thô Raw

Phủ vân gỗ I Woodgrain coating

Vân gỗ lợt Light wood · Vân gỗ đậm Dark wood · Vân gỗ sần Grainy wood

Xi anod I Anodize

Trắng bóng White · Trắng mờ Matte white · Nâu mờ Matte brown · Nâu bóng Glossy brown · Vàng bóng Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** Light-weight
- **Không bị võng** No hammock
- **Đa dạng về màu sắc** A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** Reasonable price

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Cửa Đi 2 Cánh Mở Trượt
   Sliding Doors Rotating 2 Wings

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

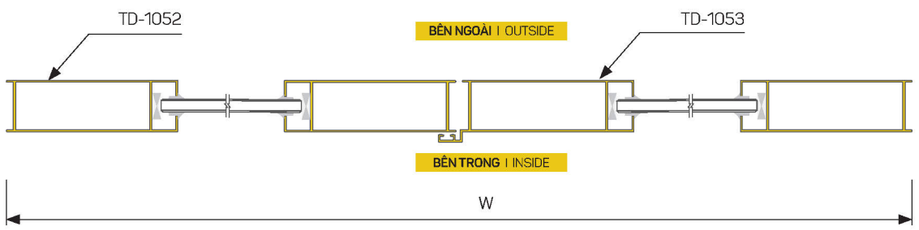

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

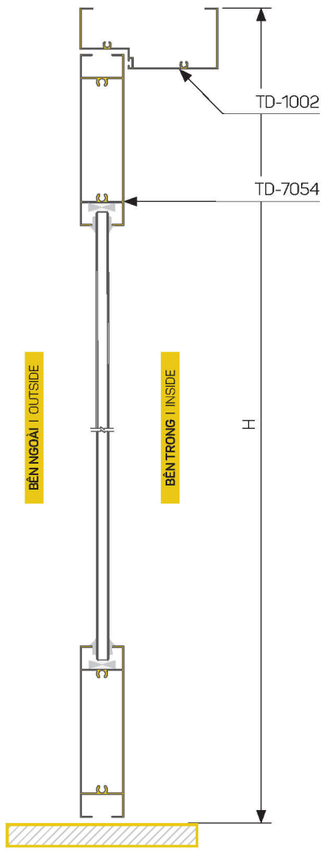

MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI NHÔM HỆ TDA-1000
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM DOORS TDA-1000 SYSTEM

Ngang giữa Middle horizontal	Đứng hở 1000 Vertical clearance 1000	Đứng hông Vertical edge
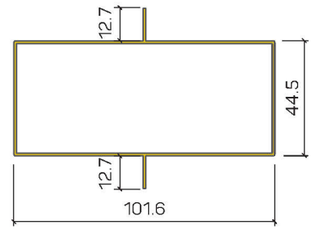	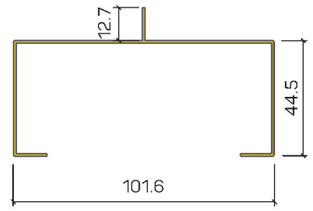	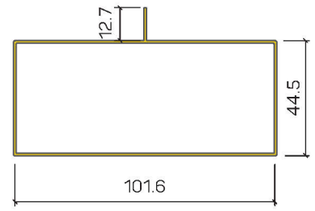
TD-A1001 I T:1.06 - W:1.017 kg/m	**TD-A1009** I T:1.05 - W:0.710 kg/m	**TD-A102A** I T:0.65 - W:0.964 kg/m
TD-AS1001 I T:0.90 - W:0.866 kg/m	**TD-AS1009** I T:0.90 - W:0.611 kg/m	**TD-AS102A** I T:0.65 - W:0.829 kg/m
TD-M1001 I T:0.80 - W:0.774 kg/m	**TD-M1009** I T:0.80 - W:0.540 kg/m	**TD-M102A** I T:0.65 - W:0.744 kg/m
Khung bao 1000 Cover frame 1000	**Đứng cánh trơn 1000** Smooth vertical wing 1000	**Đứng cánh móc 1000** Hooked vertical wing 1000
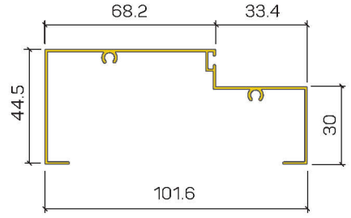	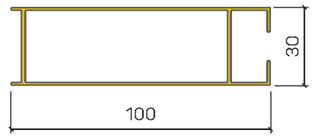	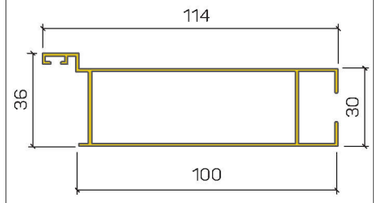
TD-A1002 I T:1.05 - W:0.754 kg/m	**TD-A1052** I T:1.05 - W:0.918 kg/m	**TD-A1001** I T:0.65 - W:1.105 kg/m
TD-AS1002 I T:0.90 - W:0.658 kg/m	**TD-AS1052** I T:0.90 - W:0.798 kg/m	**TD-AS1001** I T:0.65 - W:0.947 kg/m
TD-M1002 I T:0.80 - W:0.590 kg/m	**TD-M1052** I T:0.80 - W:0.701 kg/m	**TD-M1001** I T:0.65 - W:0.758 kg/m
Đố ngang giữa Middle horizontal bar		
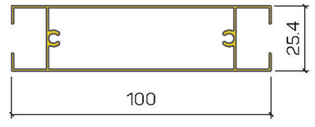		
TD-A7054 I T:0.90 - W:0.824 kg/m		
TD-AS7054 I T:0.70 - W:0.673 kg/m		
TD-M7054 I T:0.61 - W:0.569 kg/m		

03 CỬA ĐI LÙA
SLIDING DOOR

1 CÁNH / 1 WING

Cửa đi lùa 1 cánh ngày càng được ưa chuộng bởi những ưu điểm và chi phí hợp lý, vận hành êm và đảm bảo an toàn, màu sắc phong phú.

Sliding doors rotating 1 wing is increasingly popular because of its advantages, reasonable costs, quiet operation and safety, and rich colors.

THÔNG SỐ CƠ BẢN | SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	0.5~2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC | COLOR

Sơn tĩnh điện | Powder coating

Trắng sứ – Ceramic white
Trắng Ynghua – Ynghua white
Xám sần – Matte gray
Xám ánh kim – Metallic Gray
Xám xingfa – Gray xingfa
Trắng xingfa – White xingfa
Cafe xingfa – Coffe xingfa
Đen xingfa – Black xingfa
Xám đá xingfa – Stone gray xingfa
Hàng thô – Raw

Phủ vân gỗ | Woodgrain coating

Vân gỗ lợt – Light wood
Vân gỗ đậm – Dark wood
Vân gỗ sần – Grainy wood

Xi anod | Anodize

Trắng bóng – White
Trắng mờ – Matte white
Nâu mờ – Matte brown
Nâu bóng – Glossy brown
Vàng bóng – Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** – Light-weight
- **Không bị võng** – No hammock
- **Đa dạng về màu sắc** – A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** – Reasonable price

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Cửa Đi 1 Cánh Mở Trượt
   Sliding Doors Rotating 1 Wings

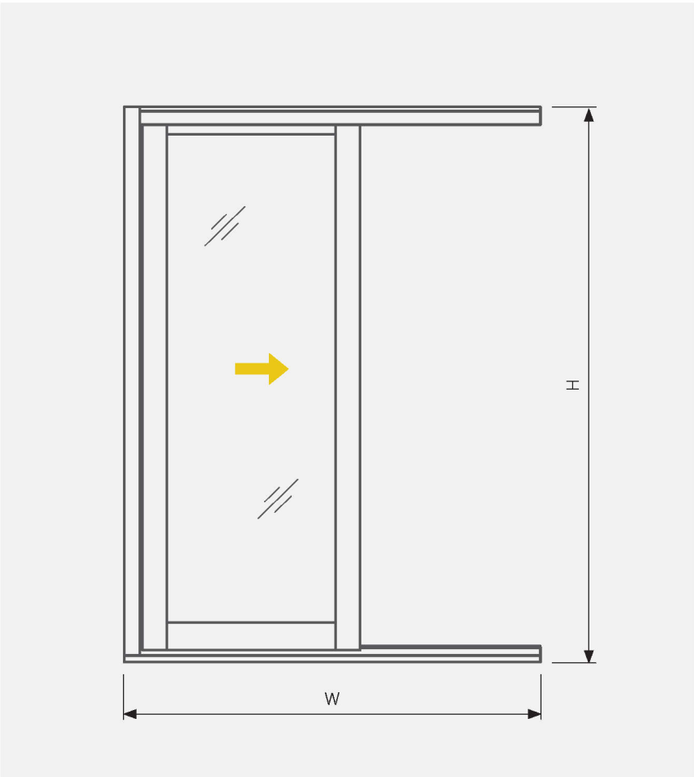

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

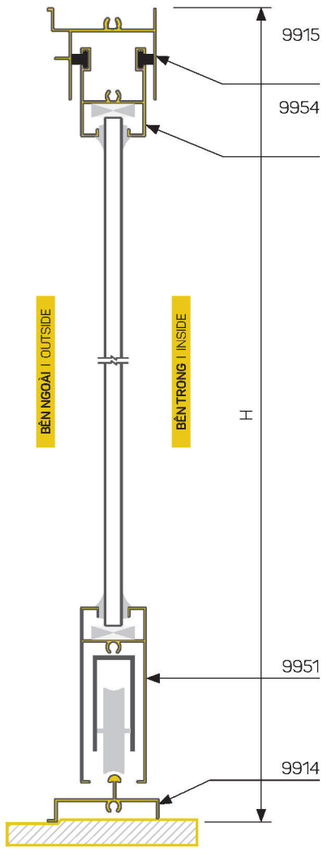

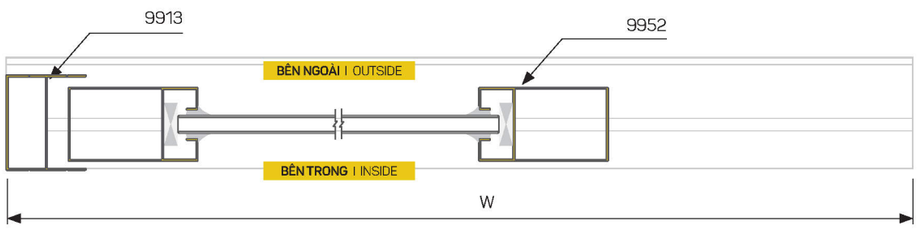

MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI LÙA 1 CÁNH
TECHNICAL SECTION OF SLIDING DOORS ROTATING 1 WING

Đứng khung bao Vertical cover frame	Ray đơn Single rail	Máng trên Upper track
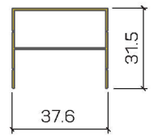	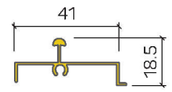	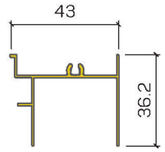
AS9913 I T:0.8 - W:0.306 kg/m	**AS9914** I T:0.90 - W:0.238 kg/m	**AS9915** I T:0.80 - W:0.352 kg/m
Ngang dưới Lower horizontal	**Đứng cánh trơn** Smooth vertical wing	**Ngang cánh trên** Upper horizontal wing
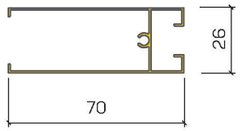	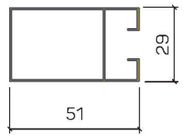	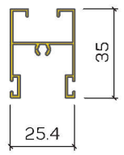
AS9951 I T:0.80 - W:0.484 kg/m	**AS9952** I T:0.65 - W:0.362 kg/m	**TD-AS9954** I T:0.90 - W:0.364 kg/m

04 CỬA ĐI LÙA
SLIDING DOOR

2 CÁNH / 2 WINGS

Cửa đi lùa 2 cánh là một lựa chọn phổ biến hiện nay. Với khung nhôm mỏng và linh hoạt, nó tạo nên sự mềm mại và thanh lịch cho không gian. Cửa nhôm cũng có thể được tùy chỉnh với nhiều kiểu dáng và màu sắc khác nhau để phù hợp với phong cách và kiến trúc của ngôi nhà.

Sliding Doors Rotating two wings is a popular choice these days. Its thin and flexible aluminum frame adds softness and elegance to the space. Aluminum doors can also be customized with various styles and colors to match the style and architecture of the home.

THÔNG SỐ CƠ BẢN | SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	0.5~2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC | COLOR

Sơn tĩnh điện | Powder coating

Trắng sứ Ceramic white · Trắng Ynghua Ynghua white · Xám sần Matte gray · Xám ánh kim Metallic Gray · Xám xingfa Gray xingfa

Trắng xingfa White xingfa · Cafe xingfa Coffe xingfa · Đen xingfa Black xingfa · Xám đá xingfa Stone gray xingfa · Hàng thô Raw

Phủ vân gỗ | Woodgrain coating

Vân gỗ lợt Light wood · Vân gỗ đậm Dark wood · Vân gỗ sần Grainy wood

Xi anod | Anodize

Trắng bóng White · Trắng mờ Matte white · Nâu mờ Matte brown · Nâu bóng Glossy brown · Vàng bóng Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** Light-weight
- **Không bị võng** No hammock
- **Đa dạng về màu sắc** A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** Reasonable price

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Cửa Đi 2 Cánh Mở Trượt
   Sliding Doors Rotating 2 Wings

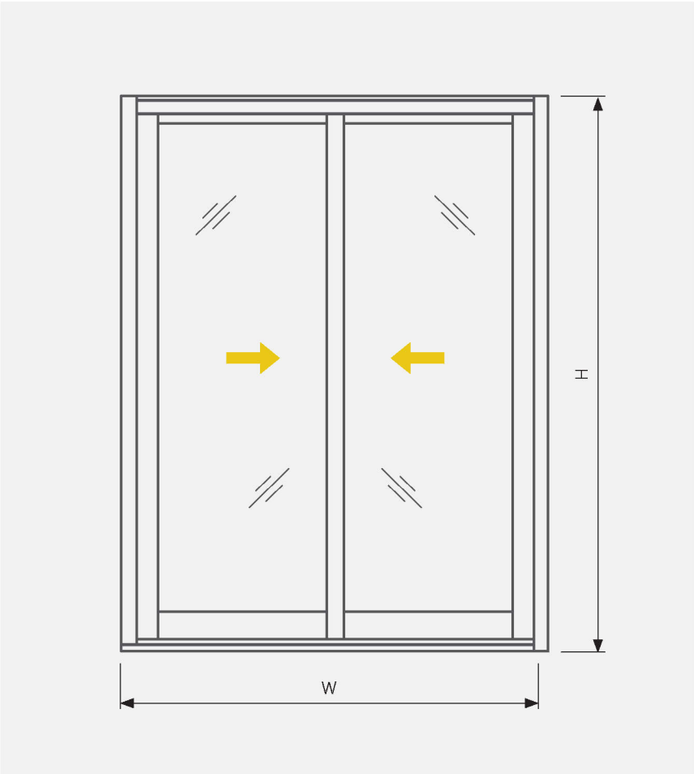

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

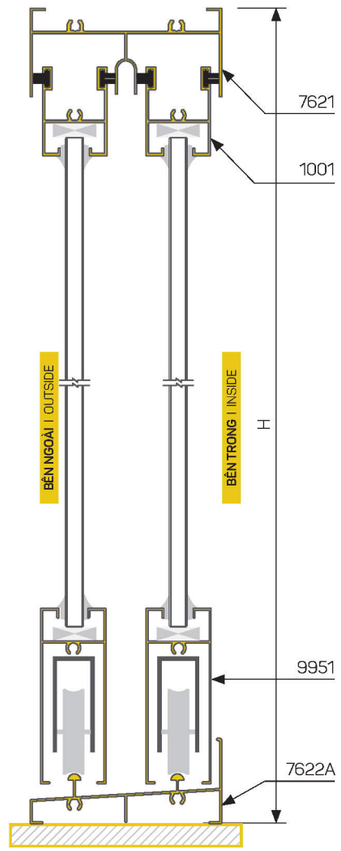

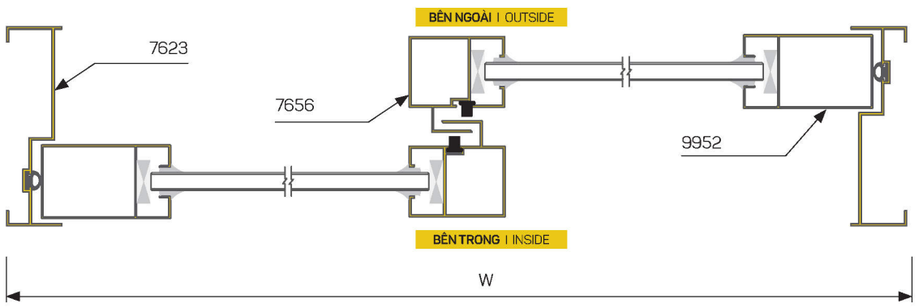

MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI LÙA 1 CÁNH
TECHNICAL CUTTING SLIDING DOOR 1 WING

Máng trên Upper track	Máng dưới thấp Low bottom rail	Máng dưới cao High bottom rail
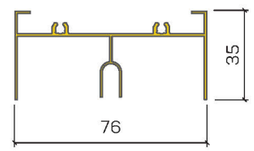	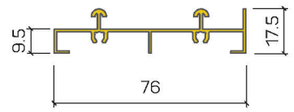	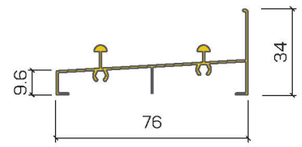
AS7621 I T:0.90 - W:0.615 kg/m	**AS7622** I T:1.05 - W:0.541 kg/m	**AS7622A** I T:0.80 - W:0.481 kg/m
Đứng khung bao **Vertica cover frame**	**Trung gian cánh** **Intermediate panel**	**Đứng cánh móc** **Hooked vertical wing**
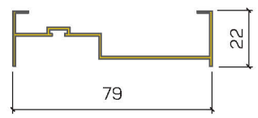	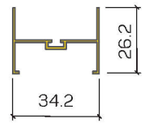	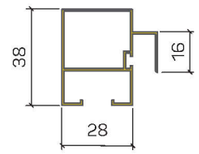
AS7623 I T:0.90 - W:0.409 kg/m	**AS7626** I T:1.70 - W:0.273 kg/m	**AS7656** I T:0.90 - W:0.432 kg/m

05. CỬA SỔ LÙA
SLIDING WINDOW

500
DÒNG/CLASS: A - AS - M

Hệ 500 thường được ứng dụng trong thiết kế cửa sổ mở lùa cho các công trình dân dụng, các chung cư cao tầng...

Khả năng cách âm, cách nhiệt, kín khít cao. Khi đóng mở không ảnh hưởng đến không gian và diện tích.

System 500 is often applied in sliding windows for civil works, high-rise apartments...

High sound insulation, heat insulation, airtightness. When opening and closing, do not affect space and area.

THÔNG SỐ CƠ BẢN I SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	0.5~2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC I COLOR

Sơn tĩnh điện I Powder coating

Trắng sứ Ceramic white · Trắng Ynghua Ynghua white · Xám sần Matte gray · Xám ánh kim Metallic Gray · Xám xingfa Gray xingfa

Trắng xingfa White xingfa · Cafe xingfa Coffe xingfa · Đen xingfa Black xingfa · Xám đá xingfa Stone gray xingfa · Hàng thô Raw

Phủ vân gỗ I Woodgrain coating

Vân gỗ lợt Light wood · Vân gỗ đậm Dark wood · Vân gỗ sần Grainy wood

Xi anod I Anodize

Trắng bóng White · Trắng mờ Matte white · Nâu mờ Matte brown · Nâu bóng Glossy brown · Vàng bóng Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** Light-weight
- **Dễ gia công** Easy to work with
- **Đa dạng về màu sắc** A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** Reasonable price

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Cửa Sổ 2 Cánh Mở Trượt
   Sliding Window Rotating 2 Wings

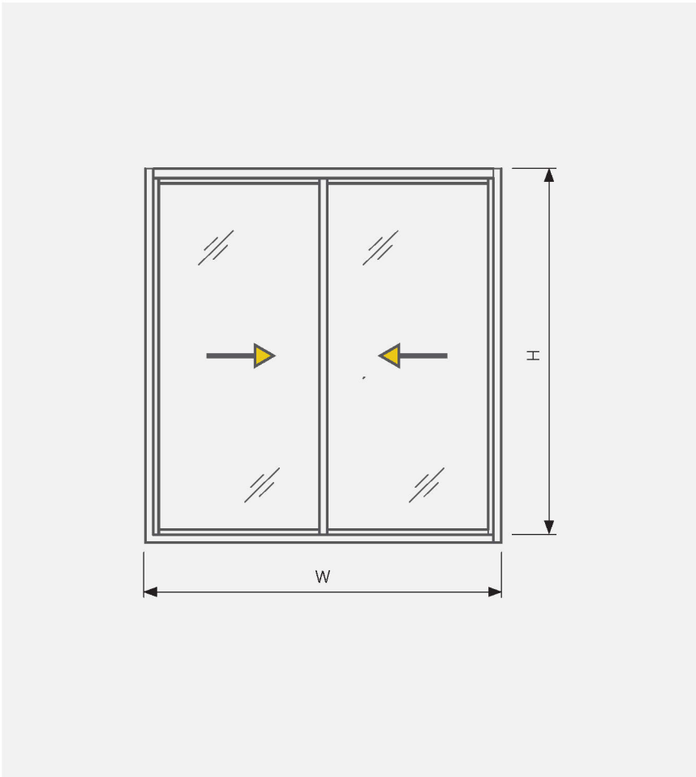

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

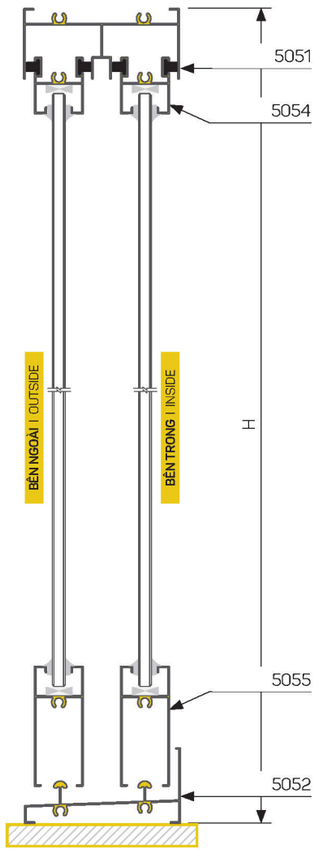

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

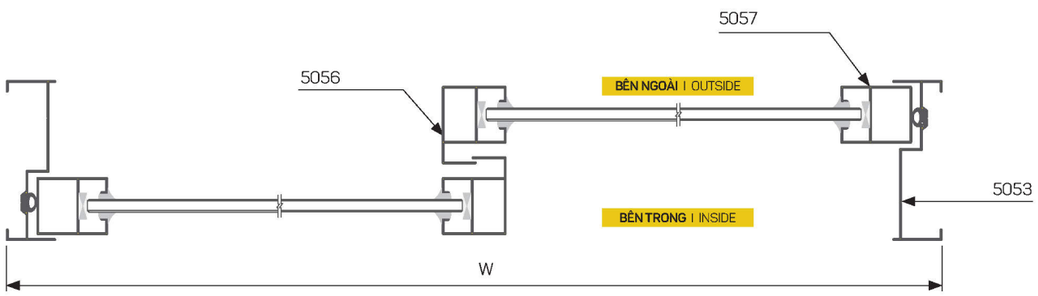

MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA LÙA NHÔM HỆ TDA-500

TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM SLIDING DOORS TDA-500 SYSTEM

Máng trên Upper track	Máng dưới Bottom rails	Đứng khung bao Vertica cover frame
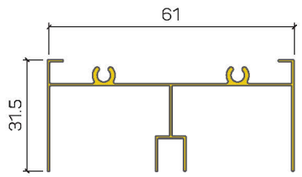	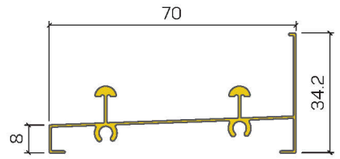	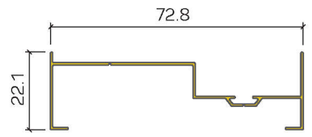
A5051 I T:0.80 - W:0.520 kg/m	**A5052** I T:0.80 - W:0.482kg/m	**A5053** I T:0.80 - W:0.332 kg/m
AS5051 I T:0.65 - W:0.434 kg/m	**AS5052** I T:0.65 - W:0.422 kg/m	**AS5053** I T:0.65 - W:0.266 kg/m
M5051 I T:0.52 - W:0.360 kg/m	**M5052** I T:0.48 - W:0.312 kg/m	**M5053** I T:0.57 - W:0.239 kg/m
Ngang trên Top horizonta	**Ngang dưới** Lower horizontal	**Đứng cánh móc** Hooked vertical wing
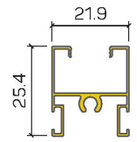	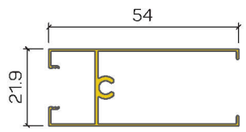	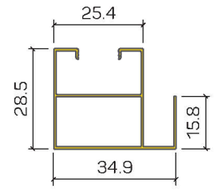
A5054 I T:0.80 - W:0.274 kg/m	**A5055** I T:0.80 - W:0.400 kg/m	**A5056** I T:0.80 - W:0.345 kg/m
AS5054 I T:0.65 - W:0.234 kg/m	**AS5055** I T:0.65 - W:0.333 kg/m	**AS5056** I T:0.65 - W:0.278 kg/m
M5054 I T:0.41 - W:0.162 kg/m	**M5055** I T:0.47 - W:0.250 kg/m	**M5056** I T:0.53 - W:0.231 kg/m
Đứng cánh trơn Smooth vertical wing	**Trung gian cánh** Intermediate panel	**Ghép máng cửa đi** Frame connection brace
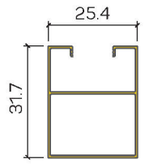	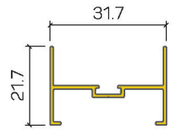	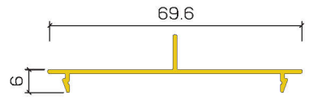
A5057 I T:0.80 - W:0.305 kg/m	**A5126** I T:0.80 - W:0.211 kg/m	**A5058** I T:0.80 - W:0.203 kg/m
AS5057 I T:0.65 - W:0.244 kg/m	**AS5126** I T:0.65 - W:0.183 kg/m	**AS5058** I T:0.65 - W:0.178kg/m
M5057 I T:0.49 - W:0.191 kg/m	**M5126** I T:0.55 - W:0.160 kg/m	**M5058** I T:0.55 - W:0.139 kg/m

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ LÁ HỘP
TECHNICAL SECTION OF BOX FRAME SYSTEM

Lá sóng tròn Round wave leaf	Lá sóng vuông Square wave leaf	Lá phẳng Flat leaf
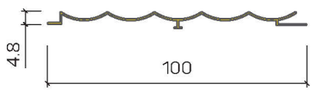	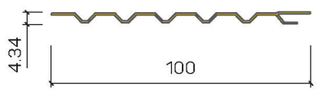	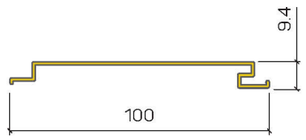
A4221 I T:0.70 - W:0.276 kg/m	**A4222** I T:0.75 - W:0.267kg/m	**A4223** I T:0.75 - W:0.327 kg/m
AS4221 I T:0.60 - W:0.238 kg/m	**AS4222** I T:0.65 - W:0.232 kg/m	**AS4223** I T:0.65 - W:0.272 kg/m
M4221 I T:0.50 - W:0.200 kg/m	**M4222** I T:0.58 - W:0.206 kg/m	**M4223** I T:0.45 - W:0.205 kg/m

Lá hộp Box leaf	Lá hộp phẳng Flat box leaf
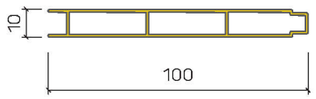	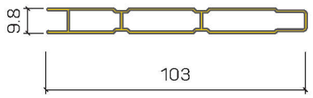
A4332 I T:0.55 - W:0.407 kg/m	**A4333** I T:0.60 - W:0.441 kg/m
AS4332 I T:0.42 - W:0.336 kg/m	
M4332 I T:0.43 - W:0.254 kg/m	**M4333** I T:0.47 - W:0.346 kg/m

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ MÁNG TREO
TECHNICAL SECTION OF HANGING TROUGH

Máng treo Hanging trough	Máng treo Hanging trough	Máng treo Hanging trough
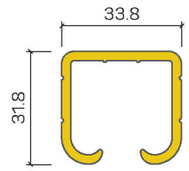	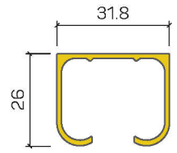	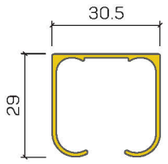
TD197 I T:2.60 - W:0.795 kg/m	**TD192** I T:1.30 - W:0.401 kg/m	**AS2008** I T:1.20 - W:0.363 kg/m

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM THANH NẸP KIẾNG
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM GLASS COVER

Đế 5 li 5-millimeter base	Nẹp 5 li 5-millimeter trim	Nẹp 10 li 10-millimeter trim
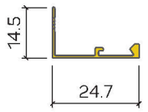	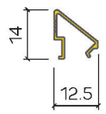	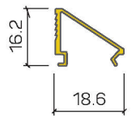
A9841 I T:0.70 - W:0.108 kg/m	**A9842** I T:0.70 - W:0.079 kg/m	**A3242** I T:0.80 - W:0.133 kg/m
AS9841 I T:0.54 - W:0.091 kg/m	**AS4223** I T:0.52 - W:0.059 kg/m	**AS4223** I T:0.60 - W:0.100 kg/m

Đế 10 li 10-millimeter base	Đế 2 mặt Double-sided base	Nẹp 2 mặt Double-sided trim
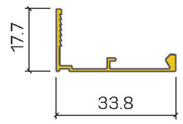	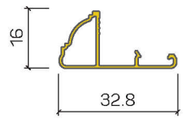	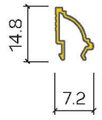
A3243 I T:0.80 - W:0.177 kg/m	**A7064** I T:0.80 - W:0.194 kg/m	**A7065** I T:0.82 - W:0.100 kg/m
	AS7064 I T:0.60 - W:0.154 kg/m	**AS7065** I T:0.65 - W:0.079 kg/m
AS3243 I T:0.60 - W:0.128 kg/m	**M4223** I T:0.50 - W:0.125 kg/m	**M7065** I T:0.50 - W:0.061 kg/m

06. VÁCH NGĂN VĂN PHÒNG
OFFICE PARTITIONS

Phù hợp cho việc tận dụng không gian ở các hội trường lớn, các nhà hàng hoặc các trung tâm hội nghị.... với những hình thức trang trí đa dạng, sử dụng thuận tiện, vách ngăn văn phòng là một sự lựa chọn không thể thiếu trong xây dựng và thiết kế nội thất.

Suitable for using space in large halls, restaurants, or conference centers. Office partitions are an indispensable choice in construction and interior design with diverse decorative forms convenient.

THÔNG SỐ CƠ BẢN | SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	1.0 ~ 2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm
Giới hạn chiều rộng W Width	1000 ~ 2000 mm Min Max
Giới hạn chiều cao H Height	1850 ~ 2400 mm Min Max

MÀU SẮC | COLOR

Sơn tĩnh điện | Powder coating

Trắng sứ Ceramic white · Trắng Ynghua Ynghua white · Xám sần Matte gray · Xám ánh kim Metallic Gray · Xám xingfa Gray xingfa

Trắng xingfa White xingfa · Cafe xingfa Coffe xingfa · Đen xingfa Black xingfa · Xám đá xingfa Stone gray xingfa · Hàng thô Raw

Phủ vân gỗ | Woodgrain coating

Vân gỗ lợt Light wood · Vân gỗ đậm Dark wood · Vân gỗ sần Grainy wood

Xi anod | Anodize

Trắng bóng White · Trắng mờ Matte white · Nâu mờ Matte brown · Nâu bóng Glossy brown · Vàng bóng Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Kết cấu gọn nhẹ** Compact structure
- **Chịu lực cao** High strength
- **Cách âm, cách nhiệt tốt** Good sound and heat insulation
- **Độ bền cao** Durable

BẢN VẼ LẮP ĐẶT I INSTALLATION DRAWINGS

1. Vách kính có lá sách dưới
   The glass wall has louver below

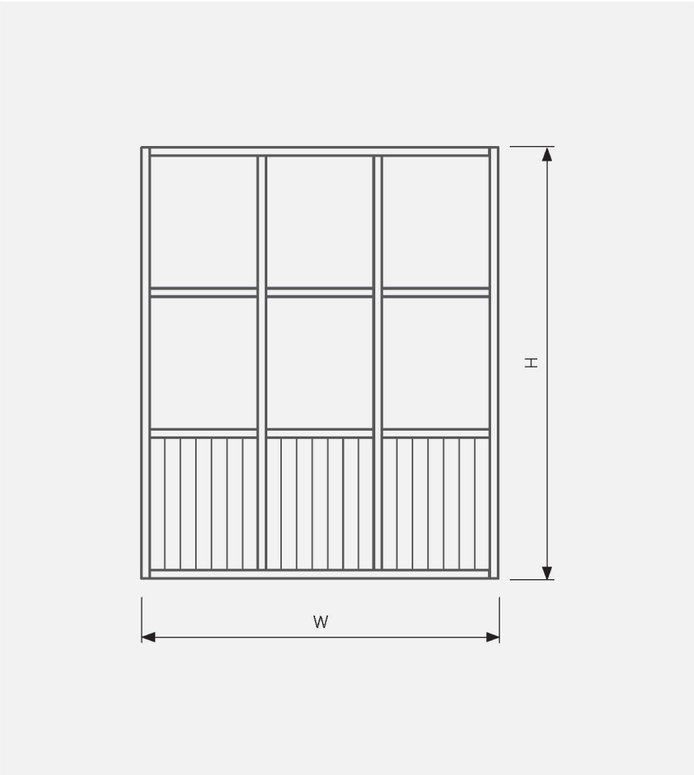

Mặt Cắt Ngang
Horizontal Section

Mặt Cắt Dọc
Vertical Section

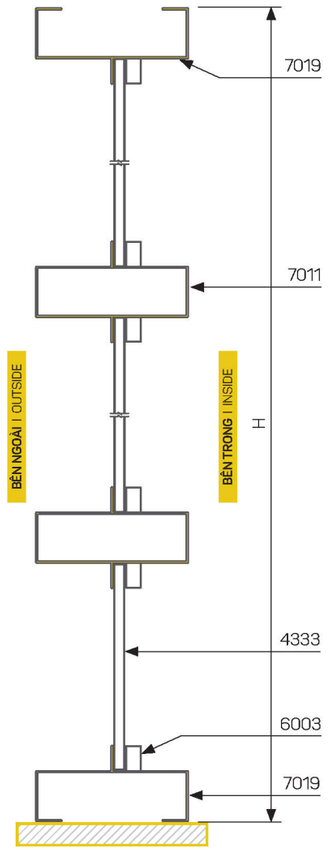

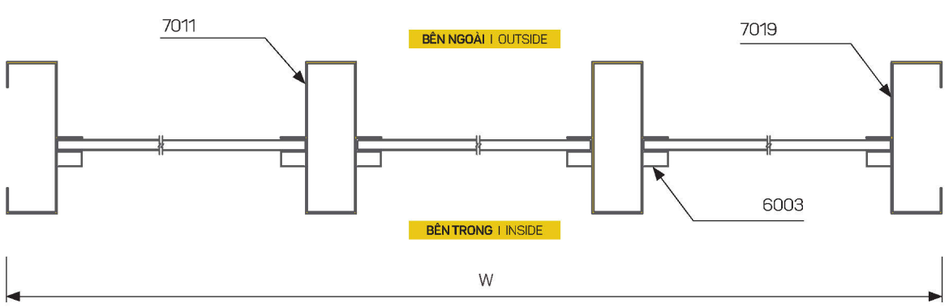

MẶT CẮT KỸ THUẬT VÁCH NGĂN
TECHNICAL SECTION OF OFFICE PARTITIONS

Ghép giữa Middle joint	Hộp 2 gờ 2 edge box	Hộp 1 gờ 1 edge box
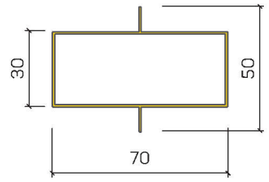	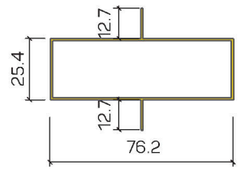	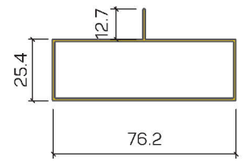
A7008 I T:0.80 - W:0.550 kg/m	**A7011** I T:0.80 - W:0.557 kg/m	**A7012** I T:0.80 - W:0.593 kg/m
AS7008 I T:0.65 - W:0.444 kg/m	**AS7011** I T:0.65 - W:0.450 kg/m	**AS7012** I T:0.65 - W:0.425 kg/m
M7008 I T:0.54 - W:0.369 kg/m	**M7011** I T:0.57 - W:0.396 kg/m	**M7012** I T:0.56 - W:0.366 kg/m

Đứng hở Vertical clearance	Khung bao Cover frame
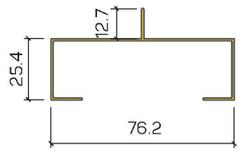	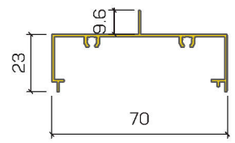
A7019 I T:0.80 - W:0.385 kg/m	**A7109** I T:0.80 - W:0.411 kg/m
AS7019 I T:0.65 - W:0.311 kg/m	**AS7109** I T:0.65 - W:0.347 kg/m
M7019 I T:0.58 - W:0.279 kg/m	**M7109** I T:0.49 - W:0.280 kg/m

07. CỬA LƯỚI CHỐNG MUỖI
MOSQUITO NET DOOR

Cửa lưới chống muỗi với 2 bộ phận chính là: phần khung nhôm và phần lưới. Phần khung được cấu tạo từ các hệ nhôm được sản xuất tại Nhà máy Nhôm Tiến Đạt. Với thiết kế linh hoạt, chắc kết hợp với lưới ngăn chặn côn trùng, bảo vệ sức khỏe cho gia đình bạn.

Mosquito net door with two main parts: aluminum frame and mesh. The frame is made of aluminum systems manufactured at Tien Dat Aluminum Factory. With a flexible and sturdy design combined with a net to prevent insects, protect your family's health.

THÔNG SỐ CƠ BẢN | SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	1.0 ~ 2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm

MÀU SẮC | COLOR

Sơn tĩnh điện | Powder coating

Trắng sứ – Ceramic white
Trắng Ynghua – Ynghua white
Xám sần – Matte gray
Xám ánh kim – Metallic Gray
Xám xingfa – Gray xingfa
Trắng xingfa – White xingfa
Cafe xingfa – Coffe xingfa
Đen xingfa – Black xingfa
Xám đá xingfa – Stone gray xingfa
Hàng thô – Raw

Phủ vân gỗ | Woodgrain coating

Vân gỗ lợt – Light wood
Vân gỗ đậm – Dark wood
Vân gỗ sần – Grainy wood

Xi anod | Anodize

Trắng bóng – White
Trắng mờ – Matte white
Nâu mờ – Matte brown
Nâu bóng – Glossy brown
Vàng bóng – Glossy gold

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Trọng lượng nhẹ** – Light-weight
- **Dễ gia công** – Easy to work with
- **Đa dạng về màu sắc** – A diversity of colours
- **Giá thành hợp lý** – Reasonable price

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM LƯỚI CHỐNG MUỖI
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM MOSQUITO NET DOOR

TD-A415

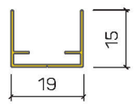

T: 0.65 - W: 0.097 kg/m

TD-A416

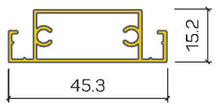

T: 0.95 - W: 0.372 kg/m

TD-A417

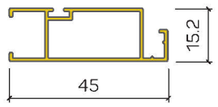

T: 095 - W: 0.320 kg/m

TD-A479

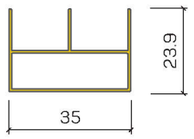

T: 0.75 - W: 0.257 kg/m

TD-A999

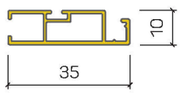

T: 0.95 - W: 0.241 kg/m

TD-B761

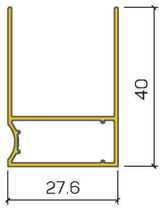

T: 0.9 - W: 0.329 kg/m

TD-MTHY-01

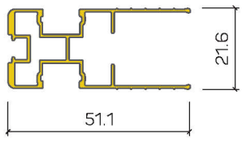

T: 0.8 - W: 0.438 kg/m

TD-MTHY-02

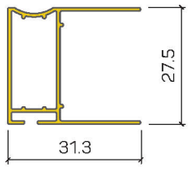

T: 0.8 - W: 0.274 kg/m

TD-B762

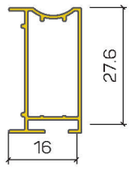

T: 3.54 - W: 0.699 kg/m

TD-B914

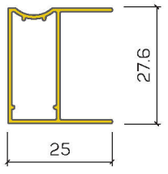

T: 0.9 - W: 0.255 kg/m

TD-B763

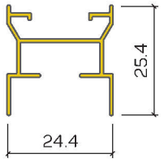

T: 0.8 - W: 0.206 kg/m

TD-B764

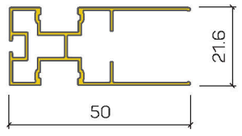

T: 0.8 - W: 0.402 kg/m

TD-B271

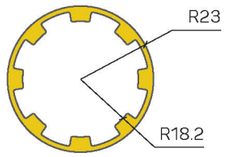

T: 1.5 - W: 0.261 kg/m

TD-B272

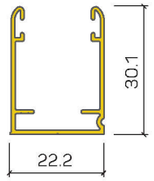

T: 1.0 - W: 0.259 kg/m

TD-B273

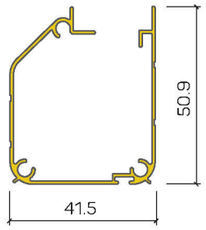

T: 0.9 - W: 0.487 kg/m

TD-B274

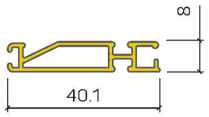

T: 1.1 - W: 0.300 kg/m

TD-B305

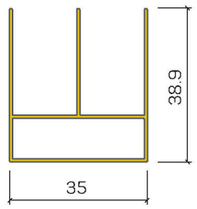

T: 0.75 - W: 0.349 kg/m

08. CỬA CUỐN
ROLLING DOOR

Hệ nhôm sử dụng cho cửa cuốn được sơn bằng công nghệ sơn tĩnh điện AkzoNobel của Hà Lan. Sử dụng hợp kim nhôm 6063-T5, đảm bảo chất lượng cao và có độ bền vượt trội. Vận hành êm ái, ổn định, đóng mở tiện lợi nhờ hệ khung đồng bộ và gioăng giảm chấn. Đa dạng về kiểu dáng thiết kế và màu sắc.

The aluminium system used for rolling doors paint with the Dutch AkzoNobel powder coating technology. Rolling doors using 6063-T5 aluminium alloy, ensuring high quality and outstanding durability. Smooth, stable operation, convenient opening and closing thanks to the synchronous frame system and damping gasket. Wide range of designs and colors.

PHÂN LOẠI
CLASSIFY

- Lá cửa cuốn 2 chân - 2 vít
  Roll-up door with 2 legs - 2 screws
- Lá cửa cuốn 4 chân - 2 vít
  Roll-up door with 4 legs - 2 screws
- Lá cửa cuốn 2 chân - 1 vít
  Roll-up door with 2 legs - 1 screws
- Lá cửa cuốn 4 chân - 1 vít
  Roll-up door with 4 legs - 1 screws

MÀU SẮC
COLORS

- Vàng kem — Creamy yellow
- Ghi sần — Grainy gray
- Cafe — Coffe

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Tích hợp nhiều ô xuyên sáng trên thân cửa** — Integrate multiple translucent panels on the door body.
- **Tích hợp nhiều tính năng đảm bảo an toàn, thẩm mỹ cao** — Incorporate multiple features ensuring high safety and aesthetics
- **Công nghệ sơn tĩnh điện, bền màu với thời gian** — Powder coating technology, colorfastness with time
- **Đa dạng thiết kế, và màu sắc** — Various designs and colors

09. LÁ SÁCH OVAN
OVAL LOUVER

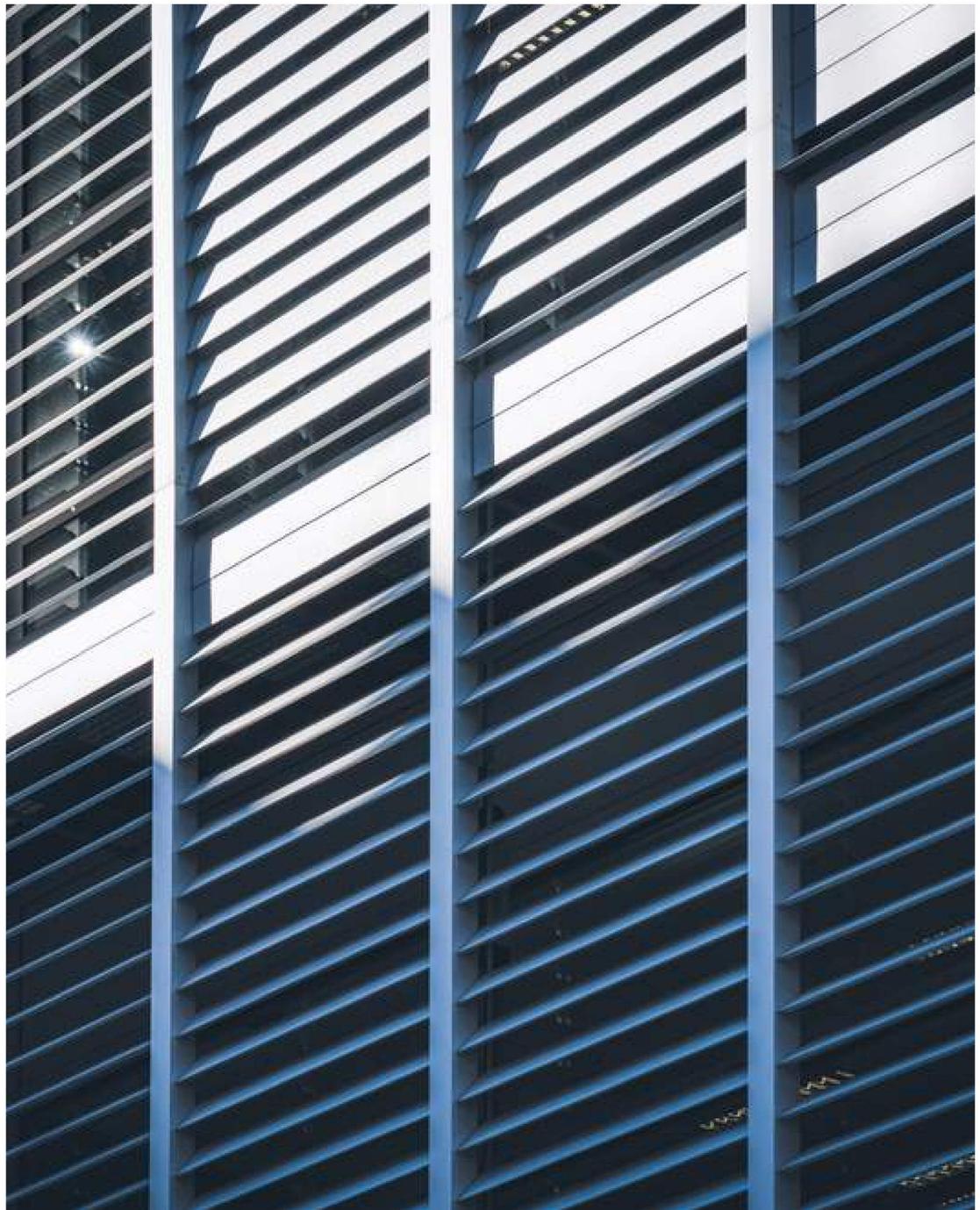

Hệ lá sách ovan được thiết kế độc đáo, mang tính thẩm mỹ cao. Được người tiêu dùng ưa chuộng bởi khả năng cân bằng không khí giữa môi trường trong nhà và ngoài trời, tạo nên sự thoáng mát.

The oval leaf system is uniquely designed and highly aesthetic. Consumers favor its ability to balance the air between indoor and outdoor environments, creating coolness.

MẶT CẮT KỸ THUẬT LÁ SÁCH OVAN
TECHNICAL SECTION OF OVAL LOUVER

B365

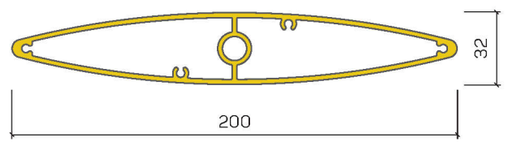

T:2.0 - W:2.697 kg/m

THÔNG SỐ CƠ BẢN | SPECIFICATION

Độ dày trung bình Average thickness	1.0 mm
Bề rộng khung nhôm Aluminium thickness	1.0 ~ 2.0 mm
Kính sử dụng Glass thickness	5~16 mm

MÀU SẮC | COLOR

Sơn tĩnh điện | Powder coating

Trắng sứ – Ceramic white
Trắng Ynghua – Ynghua white
Xám sần – Matte gray
Xám ánh kim – Metallic Gray
Xám xingfa – Gray xingfa
Trắng xingfa – White xingfa
Cafe xingfa – Coffe xingfa
Đen xingfa – Black xingfa
Xám đá xingfa – Stone gray xingfa
Hàng thô – Raw

Phủ vân gỗ | Woodgrain coating

Vân gỗ lợt – Light wood
Vân gỗ đậm – Dark wood
Vân gỗ sần – Grainy wood

Xi anod | Anodize

Trắng bóng – White
Trắng mờ – Matte white
Nâu mờ – Matte brown
Nâu bóng – Glossy brown
Vàng bóng – Glossy gold

10. NỘI THẤT NHÔM
ALUMINIUM FURNITURE

Trong thiết kế nội thất, nhôm ngày càng đóng nhiều vai trò quan trọng trong việc mang đến cho gia chủ một không gian nội thất bền, đẹp.

Nhôm tủ với màu sắc đẹp và phong phú, phù hợp với nhiều phong cách nội thất. Đặc biệt hiện nay được ứng dụng phổ biến trong phong cách nội thất Eco.

In interior design, aluminlum is increasingly essential in giving homeowners a durable and beautiful interior space.

Aluminilum cabinets with beautiful and rich colors are suitable for many interior styles. Especially nowadays, it is popularly applied in Eco interior styles.

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM LÀM TỦ KỆ
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM CABINET SYSTEM

Lá đầu tủ Cabinet door leaf	Cây E E bar	Ray mỏng Slim rail
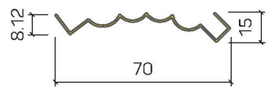	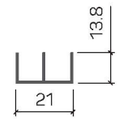	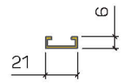
A9762 I T:0.80 - W:0.236 kg/m	**A9742** I T:0.80 - W:0.142 kg/m	**A9743A** I T:0.90 - W:0.096 kg/m
AS9762 I T:0.62 - W:0.183 kg/m	**AS9742** I T:0.62 - W:0.110 kg/m	**AS9743A** I T:0.70 - W:0.078 kg/m
M9762 I T:0.50 - W:0.147 kg/m	**M9742** I T:0.50 - W:0.091kg/m	
Kẹp kiếng Clamp piece	**Cánh tủ áo trơn** Smooth wardrobe door	**Cánh tủ áo gờ** Edge wardrobe door
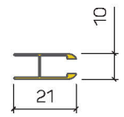	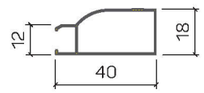	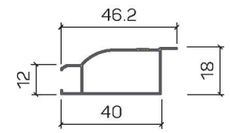
A9745A I T:0.70 - W:0.139 kg/m	**A9755** I T:0.60 - W:0.209 kg/m	**A9756** I T:0.60 - W:0.226 kg/m
AS9745A I T:0.52 - W:0.114 kg/m	**AS9755** I T:0.47 - W:0.168 kg/m	**AS9756** I T:0.47 - W:0.182 kg/m
	M9755 I T:0.35- W:0.139 kg/m	**M9756** I T:0.35 - W:0.140 kg/m
Bo Rounded corners	**Bo vuông lớn** Large square edge	**Cánh trơn** Smooth wing
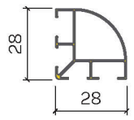	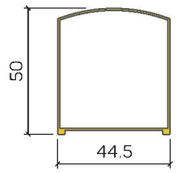	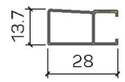
A9759 I T:0.60 - W:0.256 kg/m	**A4601** I T:0.80 - W:0.469kg/m	**A9753** I T:0.60 - W:0.161 kg/m
AS9759 I T:0.45 - W:0.196 kg/m	**AS4601** I T:0.70 - W:0.414 kg/m	**AS9753** I T:0.45 - W:0.124kg/m
M9759 I T:0.34 - W:0.149 kg/m	**M4601** I T:0.61 - W:0.365 kg/m	**M9753** I T:0.34 - W:0.096 kg/m
Cánh gờ Edge wing		
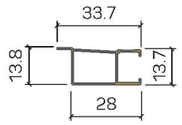		
A9754 I T:0.60 - W:0.178 kg/m		
AS9754 I T:0.45 - W:0.124 kg/m		
M9754 I T:0.33 - W:0.105 kg/m		

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM THANH CHỮ U - V
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM PROFILE U - V

Cây U7 U7 bar	Cây U10 U10 bar	Cây U12 U12 bar
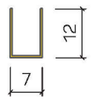		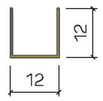
A6003 I T:0.61 - W:0.053 kg/m	**A6001** I T:0.56 - W:0.048 kg/m	**A6002** I T:0.80 - W:0.062 kg/m
M6003 I T:0.40 - W:0.036 kg/m	**AS6001** I T:0.45- W:0.037 kg/m	**AS6002** I T:0.48 - W:0.050 kg/m

Cây V12 V12 bar	Cây V20 V20 bar	Cây V25 V25 bar
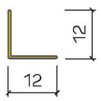	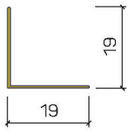	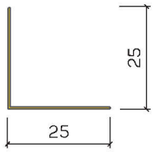
A6201A I T:0.42 - W:0.041 kg/m	**A7019** I T:0.80 - W:0.385 kg/m	**A7019** I T:0.80 - W:0.385 kg/m
AS6201A I T:0.65 - W:0.311 kg/m	**AS7019** I T:0.65 - W:0.311 kg/m	**AS7019** I T:0.65 - W:0.311 kg/m

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM ỐNG PHI
TECHNICAL SECTION OF ALUMINUM PIPE SYSTEM

Ống phi Tube		
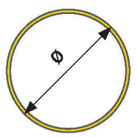	**Ø8(0.4)** I T:0.40 - W:0.028 kg/m	**Ø25(0.44)** I T:0.44 - W:0.101 kg/m
	Ø12(0.4) I T:0.40 - W:0.043 kg/m	**Ø22(0.8)** I T:0.80 - W:0.157 kg/m
	Ø16(0.48) I T:0.48 - W:0.069 kg/m	**Ø22(1.2)** I T:1.20 - W:0.237 kg/m
	Ø19(0.45) I T:0.45 - W:0.078 kg/m	**Ø32(1.5)** I T:1.50 - W:0.427 kg/m
	Ø22(0.5) I T:0.50 - W:0.100 kg/m	

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM HỘP
TECHNICAL SECTION OF ALUMINUM BOX SYSTEM

Hộp 10x20 Box 10x20	Hộp 12x20 Box 12x20	Hộp 12x25 Box 12x25
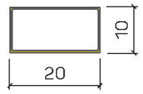	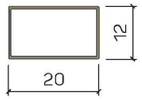	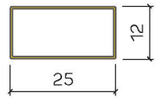
10x20(0.58) I T:0.107 - W:0.58 kg/m	**A4053** I T:0.70 - W:0.132 kg/m	**A6108** I T:0.70 - W:0.157 kg/m
10x20(0.33) I T:0.65 - W:0.053 kg/m	**AS4053** I T:0.36 - W:0.073 kg/m	**AS6108** I T:0.60 - W:0.132 kg/m
		M6108 I T:0.35 - W:0.081 kg/m

Hộp 25x25 Box 25x25	Hộp 25x38 Box 25x38	Hộp 25x76 Box 25x76
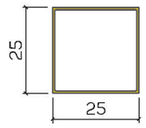	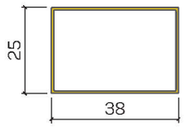	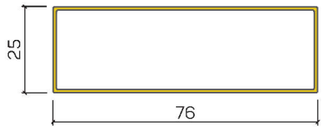
A6101 I T:0.70 - W:0.208 kg/m	**A6102** I T:0.60 - W:0.244 kg/m	**A7013** I T:0.80 - W:0.494 kg/m
AS6101 I T:0.50 - W:0.152kg/m	**AS6102** I T:0.51 - W:0.209 kg/m	**AS7013** I T:0.65 - W:0.396 kg/m
M6101 I T:0.36 - W:0.108 kg/m	**M6102** I T:0.41 - W:0.159 kg/m	**M7013** I T:0.56 - W:0.342 kg/m

Hộp 38x78 Box 38x78	Hộp 44x76 Box 44x76	Hộp 44x100 Box 44x100
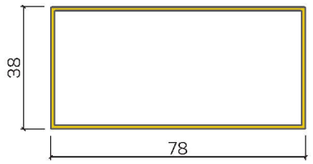	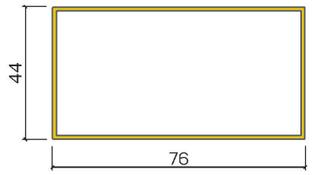	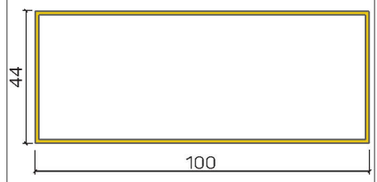
A9865 I T:0.80 - W:0.587 kg/m	**A7004** I T:1.00 - W:0.768 kg/m	**A1003** I T:1.20 - W:1.100 kg/m
AS9865 I T:0.70 - W:0.504 kg/m	**AS7004** I T:0.90 - W:0.680 kg/m	**AS1003** I T:1.00 - W:0.907 kg/m

Hộp 25x50 Box 25x50		
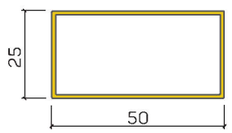	**M6103** I T:0.43 - W:0.203 kg/m	**25x50(0.7)** I T:0.70 - W:0.328 kg/m
	25x50(0.5) I T:0.50 - W:0.236 kg/m	**25x50(0.8)** I T:0.80 - W:0.374 kg/m
	25x50(0.55) I T:0.55 - W:0.260 kg/m	**25x50(0.85)** I T:0.85 - W:0.398 kg/m
	25x50(0.6) I T:0.60 - W:0.282 kg/m	**25x50(1)** I T:1.00 - W:0.467 kg/m
	25x50(0.65) I T:0.65 - W:0.306 kg/m	**25x50(1.1)** I T:1.10 - W:0.510 kg/m

11. MÁI HIÊN DI DỘNG
MOBILE AWNING

Sử dụng khung nhôm đang là lựa chọn hàng đầu của mái hiên di động. Khung nhôm có cấu tạo 3 lớp. Trong mỗi khoang trống của thanh nhôm đều có các sóng gia cường, vì vậy thanh nhôm rất cứng.

Bề mặt xi mạ chống ăn mòn cao, chống chịu lớn khi bề mặt khung mái hiên phải tiếp xúc trực tiếp với tác động khắc nghiệt của thời tiết.

Using aluminium frames is the first choice of mobile awnings. Aluminium frame with three layers structure. There are reinforcing bars in each empty cavity of the aluminium bar, so the aluminium bar is very stiff.

The plated surface has high corrosion resistance, excellent resistance when the surface of the eaves frame is directly exposed to the harsh effects of the weather.

ƯU ĐIỂM

ADVANTAGES

- **Vật liệu nhẹ**
  Light material
- **Độ bền cao**
  Durable
- **Đa dạng kiểu dáng, thiết kế**
  Various styles and designs
- **Giá thành hợp lý**
  Reasonable price

SẢN PHẨM

PRODUCTS

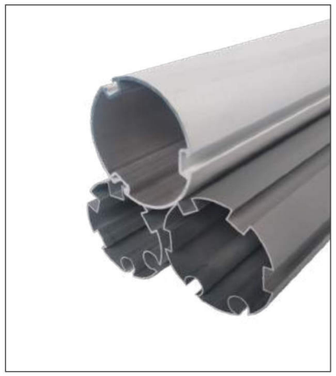

12. THANH TREO MÀN
CURTAIN ROD

Thanh treo màn là vật liệu được gia công từ hợp kim nhôm không gỉ, chống ăn mòn cao và hoàn toàn có thể thêm các khớp nối được làm từ nhựa, gang, sắt tùy thuộc vào tính năng.

Thanh treo màn với nhiều thiết kế đa dạng như: khung tròn, khung vuông và khung bán nguyệt,... đáp ứng nhiều yêu cầu về yếu tố thẩm mỹ cũng như độ bền cao.

The curtain rod is machined from stainless aluminium alloy, highly anti-corrosion, and can add joints made from plastic, cast iron, iron depending on the features.

Curtain rods with various designs such as round frames, square frames, and semi-circular frames meet many requirements for aesthetic factors and high durability.

SẢN PHẨM
PRODUCTS

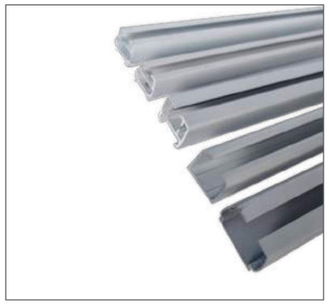

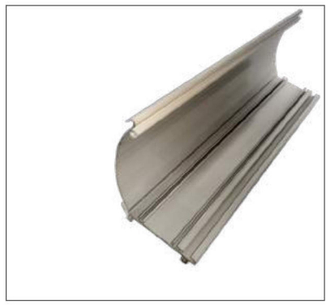

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Vật liệu nhẹ** Light material
- **Chống ăn mòn** Anticorrosion
- **Dễ dàng vệ sinh** Easy to clean
- **Tối ưu chi phí** Cost optimization

13. THANG XẾP
LADDER

Thang xếp là thiết bị được sử dụng phổ biến trong các hoạt động thi công lắp đặt. Được lắp ráp từ nhôm thanh định hình TDA có kết cấu vững chắc, đảm bảo độ an toàn tuyệt đối.

The ladder is a device commonly used in construction and installation activities. Assembled from an aluminium profile TDA has a solid structure, ensuring absolute safety.

01.
Thang xếp chữ A
Ladder A

02.
Thang ghế
Stool ladder

03.
Thang nhôm rút
Telescoping ladder

04.
Thang nhôm gấp
Folding ladder

ƯU ĐIỂM
ADVANTAGES

- **Đa dạng kiểu dáng, màu sắc thiết kế** — Various designs and colors
- **Vật liệu nhôm chất lượng cao, đảm bảo an toàn tuyệt đối** — High quality aluminium material, absolute safety
- **Độ bền và khả năng tái sử dụng cao** — High durability and reusability
- **Thẩm mỹ cao** — High beauty

14. NIỀNG XE
RIM

Niềng xe hay vành xe đạp nhôm được làm từ hợp kim nhôm là loại vật liệu thường được sử dụng và dễ bắt gặp nhất trên các mẫu xe đạp hiện nay.

Hợp kim của nhôm là sự pha trộn, đồng hóa của nhôm và một số nguyên tố khác như đồng, thiếc, mangan, silic, magie... nhằm mục đích tăng cường các tính chất vật lý tùy thuộc vào tính ứng dụng của vật liệu.

Các loại niềng xe đạp được sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và rất được ưa chuộng hiện nay.

Bicycle rims or aluminium bicycle wheel rims are made from aluminium alloy, which is a commonly used and readily available material in most contemporary bicycle models.

The aluminium alloy is a blend and homogenization of aluminium and several other elements such as copper, tin, manganese, silicon, magnesium, etc., with the purpose of enhancing the physical properties depending on the material's intended application.

The various types of bicycle wheel rims produced adhere to quality standards and are highly favored in the present day.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- **Đa dạng về thiết kế, công nghệ Anod nhôm chống gỉ cao.**
  Diverse in design, high-corrosion-resistant aluminum Anod technology.
- **Tính thẩm mỹ cao, linh hoạt trong việc sản xuất đáp ứng nhiều yêu cầu của khách hàng.**
  High aesthetic value, flexibility in production to meet various customer requirements.
- **Niềng xe Tiến Đạt sử dụng hợp kim nhôm siêu cứng đáp ứng đúng tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo độ an toàn tuyệt đối.**
  Tien Dat braces use a super-hard aluminium alloy that meets international standards, ensuring absolute safety.
- **Có độ bền cao, chống ăn mòn tốt.**
  High strength, good corrosion resistance.

15. TẢN NHIỆT NHÔM
ALUMINIUM HEATSINK

Nhôm tản nhiệt là một trong những linh kiện quan trọng có những cấu trúc đa dạng để áp dụng trong các thiết bị và máy điện tử khác nhau. Được thiết kế tối đa hóa diện tích bề mặt tiếp xúc với môi trường xung quanh.

Nhôm Tiến Đạt là đơn vị sản xuất tản nhiệt nhôm chất lượng cao cho các hãng sản xuất đồ gia dụng điện tử.

Aluminium heatsink is one of the essential components which has diverse constructions for application in various electronic devices and machines. Therefore, it is designed to maximize the surface area in contact with the surrounding environment.

Tien Dat Aluminium manufactures high-quality aluminium radiators for manufacturers of electronic appliances.

ƯU ĐIỂM

ADVANTAGES

- **Tuổi thọ cao** — Long life
- **Chống ăn mòn** — Anti-corrosion
- **Phi từ tính** — Non-magnetic
- **Cường độ và độ cứng cao** — High strength and stiffness

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU I TYPICAL PRODUCTS

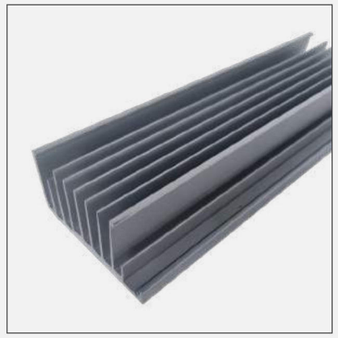

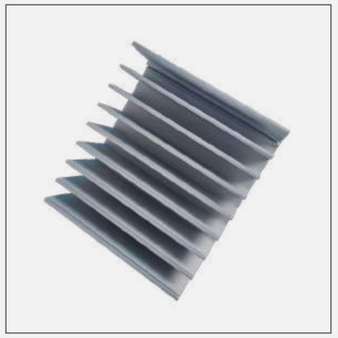

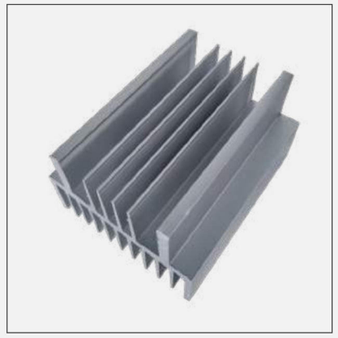

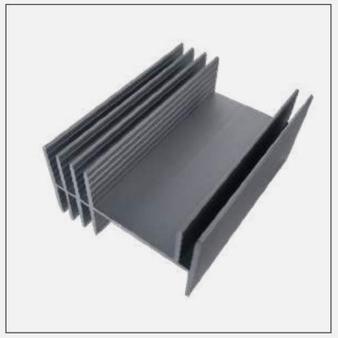

16. BĂNG TẢI NHÔM
ALUMINIUM CONVEYOR

Với thiết kế khung nhôm nhiều khoảng trống, khả năng tạo hình vượt trội, chịu lực cao nên nhôm thanh định hình được ứng dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp sản xuất, đặc biệt là khung băng tải công nghiệp.

With its design featuring an aluminium frame with numerous empty spaces, exceptional shaping capability, and high load-bearing capacity, aluminium extrusions are widely applied in the manufacturing industry, particularly in industrial conveyor frames.

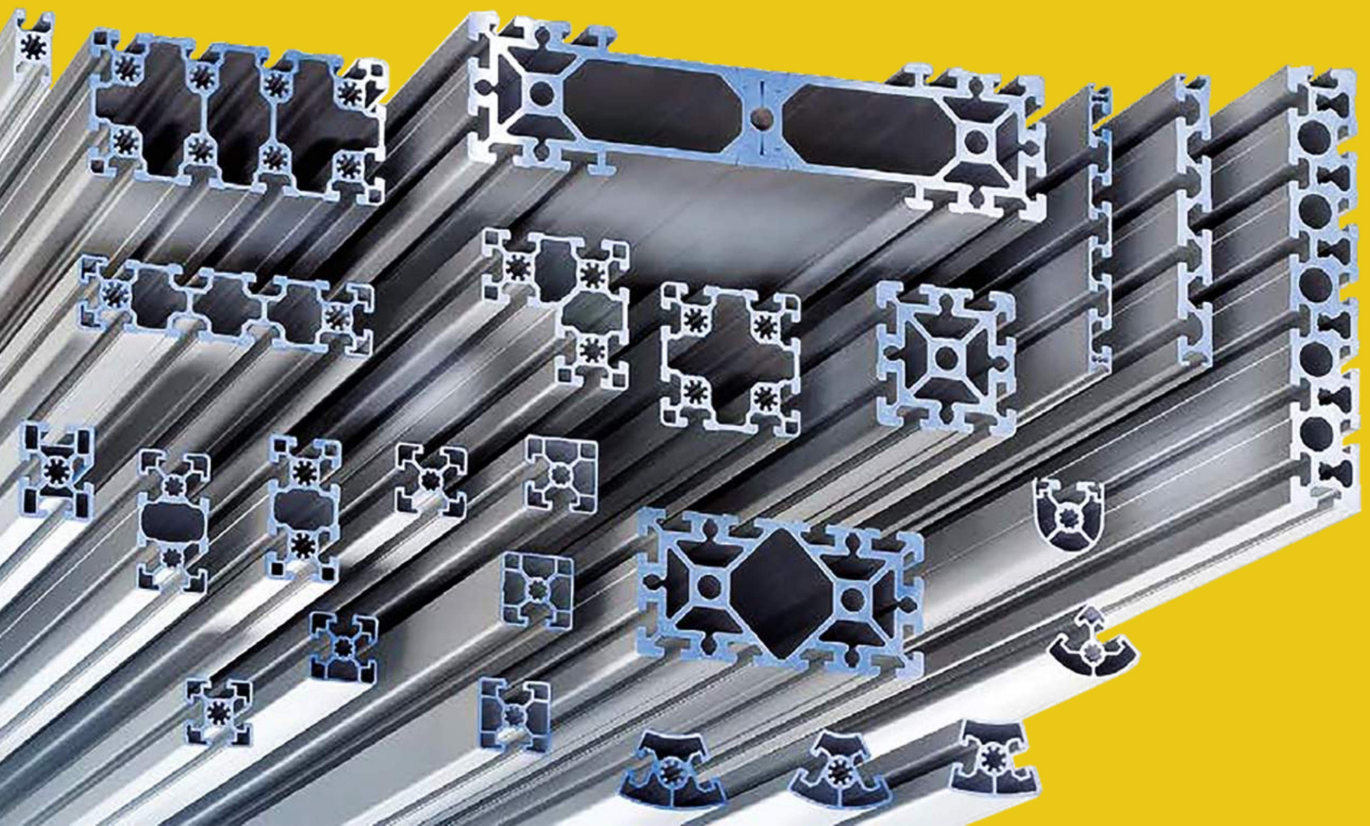

ƯU ĐIỂM

ADVANTAGES

- **Linh hoạt trong lắp ráp** — Flexibility in assembly
- **Chống xước và chịu lực tốt** — Scratch resistant and good bearing
- **Dễ dàng vận chuyển, tháo lắp** — Easy to transport and disassemble
- **Độ bền cao** — Durable

17. PHỤ KIỆN TRUYỀN TẢI ĐIỆN
POWER TRANSMISSION ACCESSORIES

Nhôm là kim loại có màu trắng bạc có tính dẫn điện, dẫn nhiệt cao. Tuy nhiên, quá trình xi mạ anod tạo nên lớp oxit cực bền có khả năng cách điện cao vì vậy nhôm định hình được ứng dụng phổ biến trong sản xuất các phụ kiện cấu tạo và hỗ trợ các thiết bị truyền tải điện năng đến nơi tiêu thụ được ổn định.

Aluminum is a silver-white metal with high electrical conductivity and thermal conductivity. However, the anodizing process creates a highly durable oxide layer with excellent insulating properties, making aluminum commonly used in manufacturing structural components and supporting devices for the stable transmission of electrical power to consumption points.

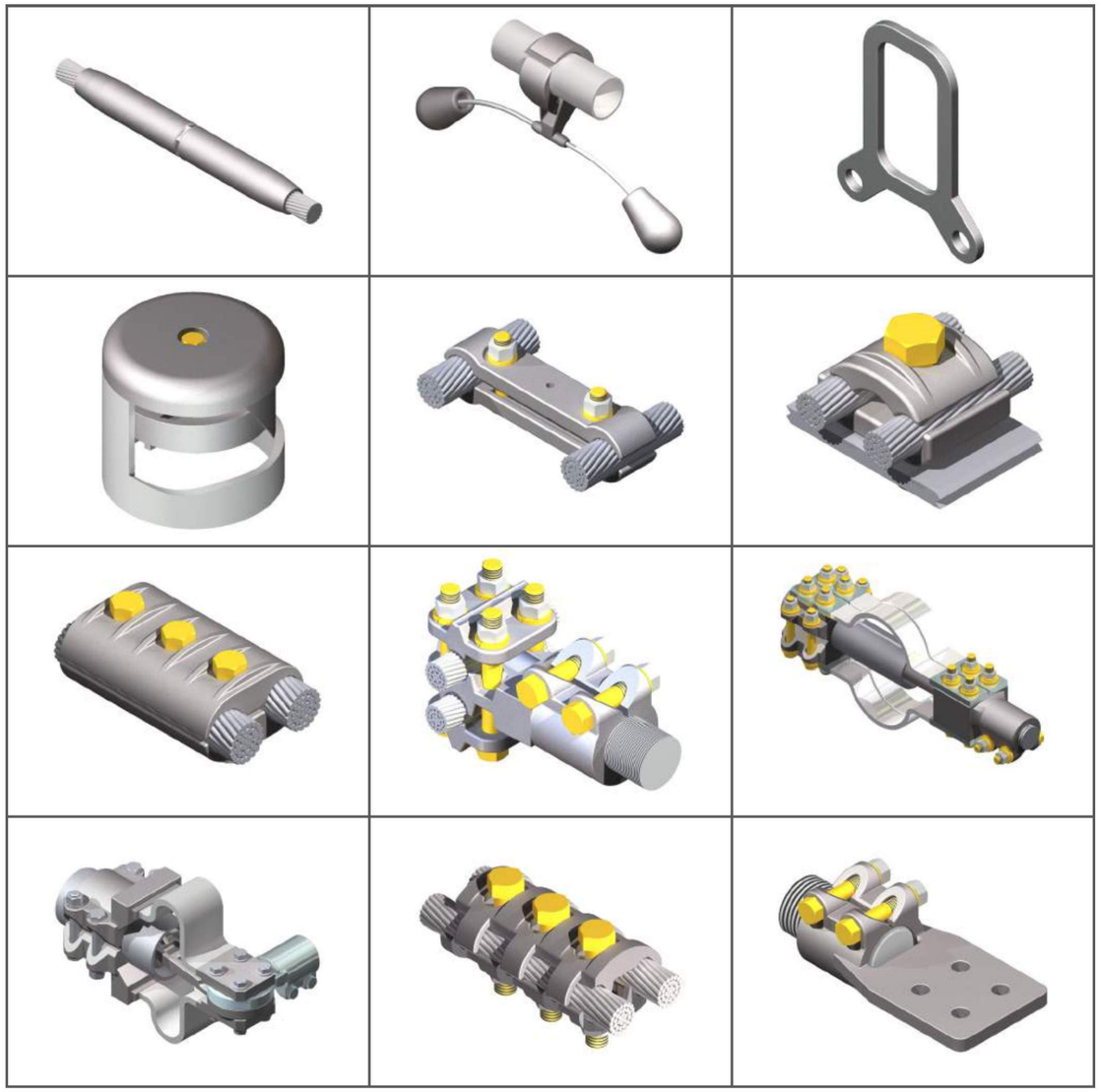

ƯU ĐIỂM

ADVANTAGES

- **Chống gỉ, ăn mòn** — Anti-rust, anti-corrosion
- **Lớp oxit có khả năng cách điện** — The oxide layer has the ability to insulate
- **Đảm bảo độ an toàn khi sử dụng** — Ensure safety when using
- **Thẩm mỹ cao** — High beauty

18. KHUNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
SOLAR FRAME

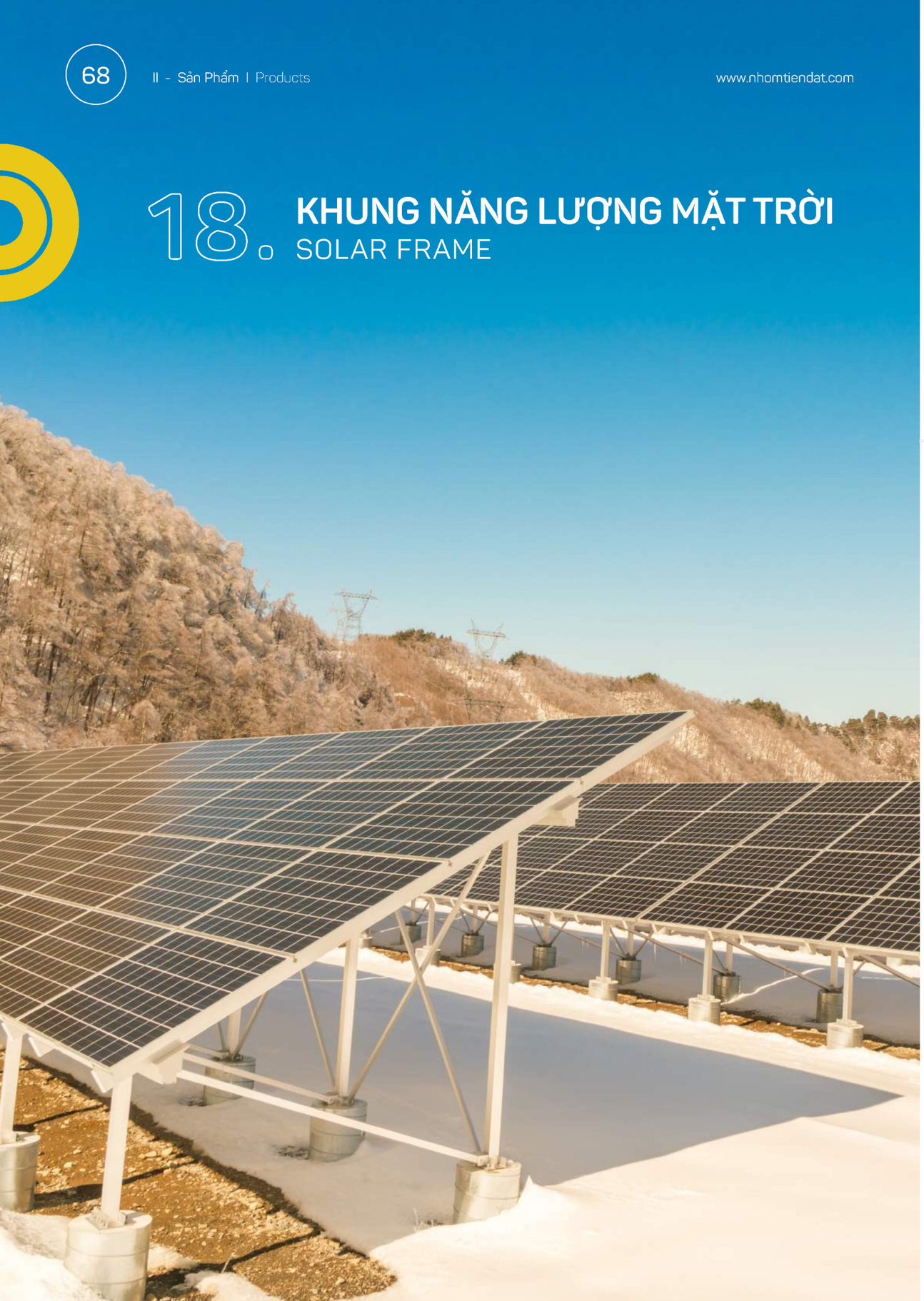

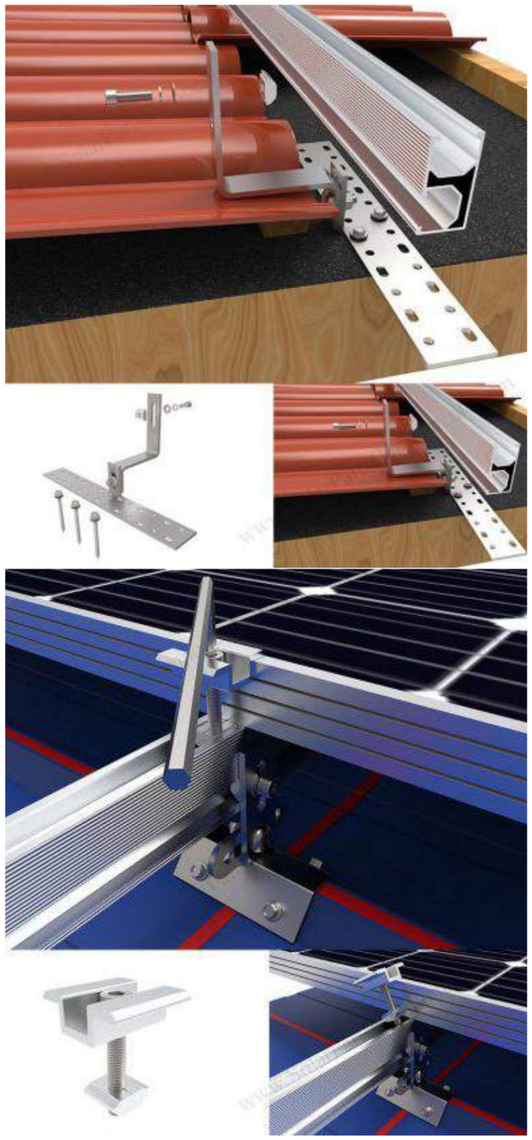

Khung năng lượng mặt trời được sản xuất từ nguyên liệu hợp kim nhôm cao cấp. Nhôm Tiến Đạt chuyên cung cấp hệ thống khung, giá đỡ và khung tấm pin cho hệ thống năng lượng mặt trời. Hệ thống khung có kết cấu khoang vững chắc, khả năng chịu lực tốt. Đặc biệt, đủ khả năng chịu được sức gió cao.

The solar energy frame is manufactured from high-quality aluminium alloy materials. Tien Dat Aluminum specializes in providing frame systems, supports, and panel frames for solar energy systems. The frame system features a sturdy structure, excellent load-bearing capacity, and notably, the ability to withstand high winds.

ƯU ĐIỂM

ADVANTAGES

Khung nhôm bền bỉ, vững chắc sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế.

Durable aluminum frame, sturdy and manufactured to international standards.

Thiết kế đơn giản, linh hoạt, dễ dàng tháo lắp ở nhiều địa hình khác nhau.

Simple, flexible design, easy to assemble and disassemble in various terrains.

Khung đỡ không quá nặng, đảm bảo độ bền dưới thời tiết khắc nghiệt.

The supporting frame is not excessively heavy, ensuring durability under harsh weather conditions.

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM KHUNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
TECHNICAL SECTION OF ALUMINIUM SOLAR FRAME SYSTEM

TD-NKPA-01

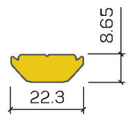

W: 0.427 kg/m

TD-NKPA-02

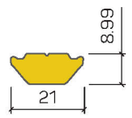

W: 0.406 kg/m

TD-NKPA-03

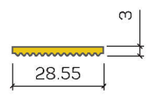

T: 3 - W: 0.208 kg/m

TD-NKPA-04

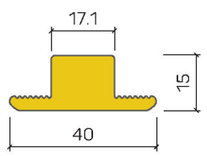

T: 3.89 - W: 0.902 kg/m

TD-NKPA-05

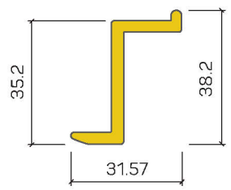

T: 3.51 - W: 0.598 kg/m

TD-NKPA-06

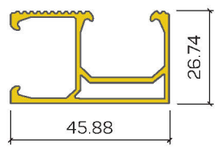

T: 1.3 - W: 0.640 kg/m

TD-NKPA-07

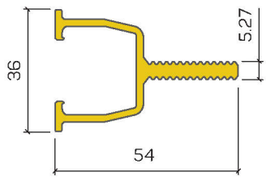

T: 2.06 - W: 0.208 kg/m

TD-NKPA-08

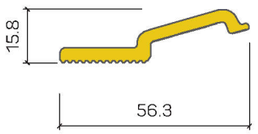

T: 3.79 - W: 0.652 kg/m

TD-NKPA-09

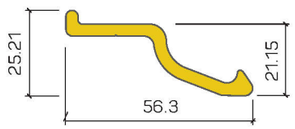

T: 3.54 - W: 0.699 kg/m

TD-NKPA-10

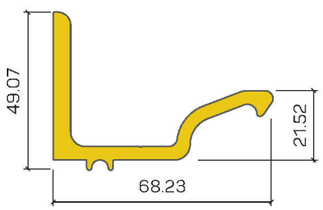

T: 5.4 - W: 1.546 kg/m

TD-NKPA-11

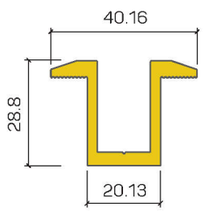

T: 2.75 - W: 0.778 kg/m

TD-NKPA-12

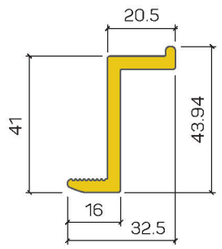

T: 4 - W: 0.754 kg/m

TD-NKPA-13

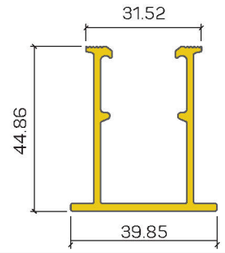

T: 1.8 - W: 0.730 kg/m

TD-NKPA-14

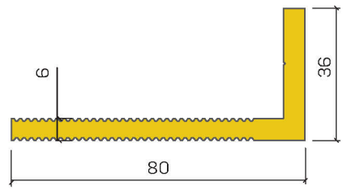

T: 5.8 - W: 1.642 kg/m

TD-NKPA-15

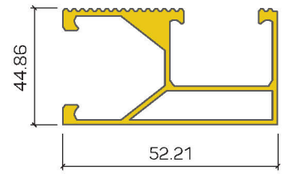

T: 1.2 - W: 0.690 kg/m

TD-NKPA-16

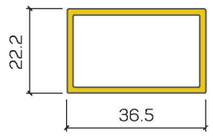

T: 1.6 - W: 0.480 kg/m

TD-NKPA-17

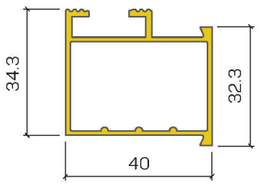

T: 1..2 - W: 0.582 kg/m

TD-NKPA-18

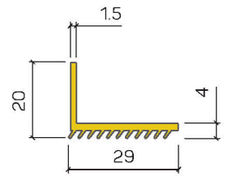

T: 1.5 - W: 0.267 kg/m

TD-NKPA-20

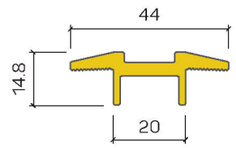

T: 1.8 - W: 0.561 kg/m

TD-NKPA-21

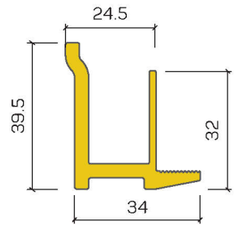

T: 3.8 - W: 0.864 kg/m

TD-NKPA-22

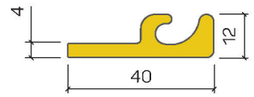

T: 4.0 - W: 0.653 kg/m

TD-NKPA-23

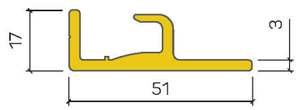

T: 3.0 - W: 0.728 kg/m

TD-NKPA-24

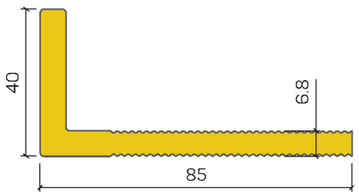

T: 8.0 - W: 2.112 kg/m

TD-NKPA-25

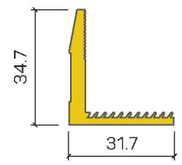

T: 5.0 - W: 0.594 kg/m

19. VÁN COPPHA NHÔM
ALUMINIUM FORMWORK

Coppha nhôm có trọng lượng nhẹ hơn các loại coppha thông thường (khoảng +/- 20kg/1m^2), thuận tiện trong việc lắp ráp, thi công vận chuyển.

Aluminium formwork is lighter than conventional formwork types (approximately +/- 20kg/1m^2), making it convenient for assembly, construction, and transportation.

ƯU ĐIỂM | ADVANTAGES

- Tạo ra độ phẳng mặt bê tông rất tốt.
  Creates a very smooth concrete surface.
- Dễ lắp đặt, có khả năng tái sử dụng nhiều lần.
  Easy to install, with the ability to be reused multiple times.
- Bền vững, đảm bảo an toàn cho công trình.
  Durable and ensures safety for the construction.

20. GIA CÔNG CƠ KHÍ
Mechanical machining

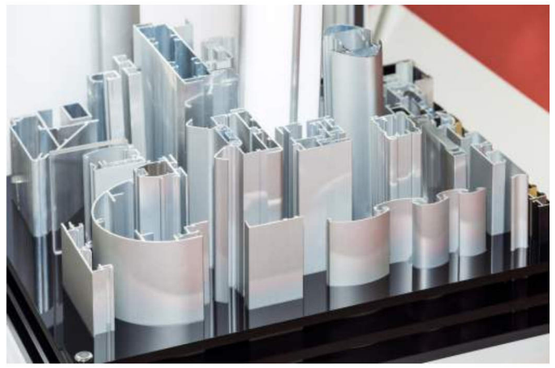

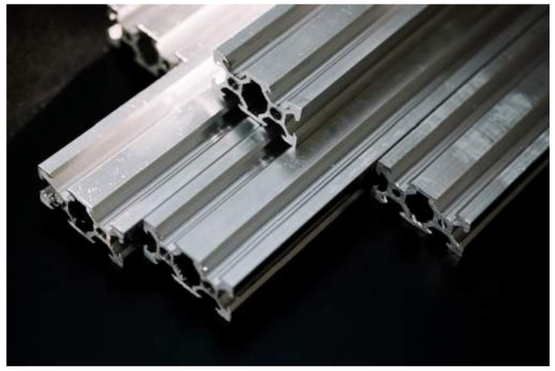

Với hệ thống máy gia công CNC hiện đại cho phép sản xuất các sản phẩm như: một số chi tiết của linh kiện máy móc, linh kiện điện tử trong ngành công nghiệp.

Ngoài ra, chúng tôi còn đáp ứng các yêu cầu gia công cắt gọt theo bản vẽ đa dạng khác của khách hàng.

Sản phẩm hoàn thiện có độ tinh xảo, chính xác cao. Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng cũng như tính thẩm mỹ.

With a modern CNC machining system, we are capable of manufacturing various products, such as components of machinery and electronic parts within the industrial sector.

Furthermore, we also fulfill diverse cutting and machining requirements based on the customers' specific drawings.

The finished products exhibit high precision and sophistication, ensuring both quality standards and aesthetic considerations are met.

ƯU ĐIỂM I ADVANTAGES

- Hỗ trợ tạo ra các giải pháp, thiết kế khuôn theo yêu cầu của khách hàng.

  Supporting the creation of customized solutions and mold designs according to customer requirements.

- Thấu hiểu nhu cầu của các kiến trúc sư, nhà thầu. Chúng tôi luôn tuân thủ ý tưởng của khách hàng trước tiên, lắng nghe và đưa ra những giải pháp tối ưu nhất.

  Understanding the needs of architects, contractors. We always prioritize the customer's ideas, listen, and provide the most optimal solutions.

- Luôn tận tâm trong việc tư vấn, thiết kế và sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng cao nhất.

  Dedicated in consultancy, design, and production, ensuring the highest standards and quality.

- Công nghệ sản xuất tiên tiến, độ bền phù hợp với tiêu chuẩn công nghiệp với giá thành cạnh tranh hàng đầu.

  Advanced manufacturing technology, durability in line with industrial standards, at the forefront of competitive pricing.

3 ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG

PATNERS & CUSTOMERS

Trên hành trình xây dựng thương hiệu của mình, Nhôm Tiến Đạt luôn tự hào mang đến những giá trị thiết thực cho cuộc sống bằng những sản phẩm cao cấp, chất lượng. Đến nay, trải qua 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực, chúng tôi đã ghi dấu ấn thương hiệu của mình ở hàng trăm công trình từ dân dụng, chung cư, nhà phố, văn phòng đến các công trình căn hộ cao cấp tòa nhà lớn ở trung tâm...

On the journey of building its brand, Tien Dat Aluminium is always proud to bring practical values to life with high-quality and high-class products. Up to now, through 30 years of experience in the field, we have marked our brand in hundreds of prcjects from civil constructions, apartments, townhouses, offices to high-class apartment buildings or big buildings in the center ...

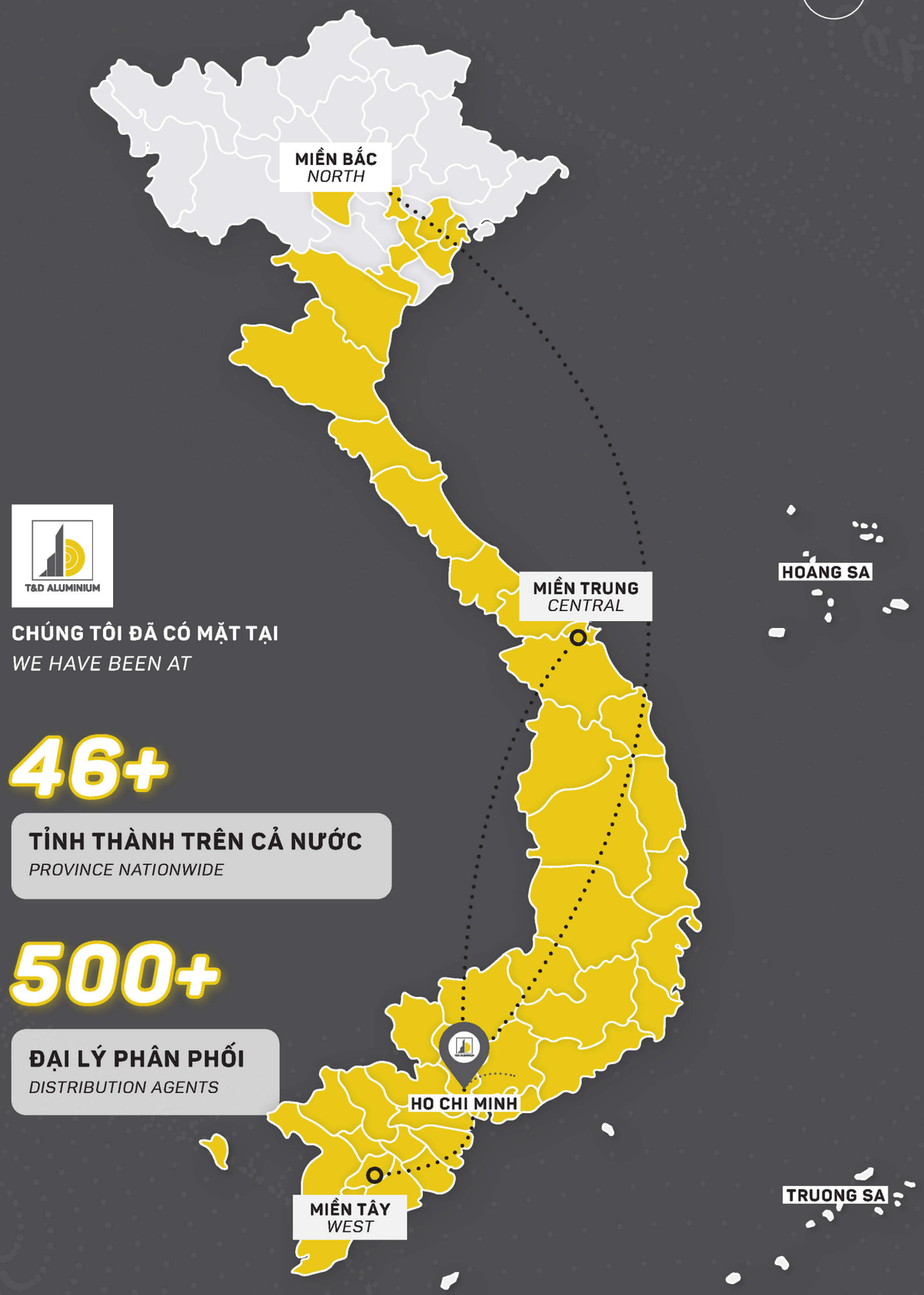

T&D ALUMINIUM

CHÚNG TÔI ĐÃ CÓ MẶT TẠI
WE HAVE BEEN AT

46+

TỈNH THÀNH TRÊN CẢ NƯỚC
PROVINCE NATIONWIDE

500+

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI
DISTRIBUTION AGENTS

4 DỰ ÁN TIÊU BIỂU
TYPICAL PROJECTS

CARA RIVER PARK - CẦN THƠ
CARA RIVER PARK - CAN THO

CĂN HỘ CHUNG CƯ D'LUSSO
APARTMENT D'LUSSO

GREEN TOWN - BÌNH TÂN
GREEN TOWN - BINH TAN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CONTAINER HÒA PHÁT
HOA PHAT CONTAINER FACTORY

BIỆT THỰ
VILLA

TÒA NHÀ NGÂN HÀNG MB BANK
MB BANK BUILDING

NOVALAND GALLERY

VIỆN DƯỠNG LÃO SAO MAI - BẢO LỘC
MORNING STAR NURSING HOME - BAO LOC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
EASTERN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

ĐẬP DÂNG HẠ LƯU SÔNG TRÀ KHÚC
DAM DOWNSTREAM OF TRA KHUC RIVER

GREEN HOUSE GROUP

NHÀ KHÁCH QUÂN CẢNG SÀI GÒN
SAI GON MILITARY PORT GUEST HOUSE

ISO 9001:2015

QUASTA-CE No. 019.18.01

AkzoNobel

Interpon D2525 25 years Gold Global Warranty

JOTUN

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT – TDA

TIEN DAT ALUMINIUM COMPANY LIMITED - TDA

Nhà máy Bình Dương - Dĩ An: 51/2 Bế Văn Đàn, Kp Bình Đường 3, An Bình, Tp.Dĩ An, T.Bình Dương

Nhà máy Bình Dương - Đất Cuốc: 152 Đường ĐH 436, Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cuốc, Huyện, Bắc Tân Uyên, T.Bình Dương

Showroom: 324D Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

Binh Duong - Di An Factory: 51/2 Be Van Dan, Binh Duong 3 Ward, An Binh, Di An City, Binh Duong Province

Binh Duong - Dat Cuoc Factory: 152 DH Street 436, Suoi Sau Hamlet, Dat Cuoc Commune, Bac Tan Uyen District, Binh Duong Province

Showroom: 324D Ly Thuong Kiet, Ward 14, District 10, HCMC

028.3729.1230 I 028.3729.5556

090 147 0959

www.nhomtiendat.com

info@nhomtiendat.com

Chăm sóc khách hàng/ Customer service: **0902.67.22.23**
(Ý kiến, phản ánh và khiếu nại/ Opinions, reflections and complaints)